Năm thứ hai — Số 43
Tuần lễ từ thứ tư 15 đến thứ ba 21 Avril 1942

tri tân

tạp chí văn-hóa ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Những ông nghè triều Lê (XVI) — Nguyễn Văn-Tố
Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ (XXI) — Ứng-Hòe
Truyện vua Đinh Tiên-hoàng (II) — Ứng-Hoè Nguyễn Văn-Tố
« Tội và thương » gặp « La peur » — Kiều Thanh-Quế
Nên luyện cho trẻ em tập đọc quốc-văn — Cây-Thông
Những cuộc thám-hiểm trên thế-giới — Nhật-Nham
Phố Hiến — Văn-Thạch
Vấn-đề dịch sách — Hoa-Bằng
Những ngày «lịch-sử» trong tháng Avril (I) — Long-Điền
Việt-Nam văn-học sử (XXIV) — Hoa-Bằng
Thoát cung vua Mạc (XVI) — Chu-Thiên
Giao chỉ — Lê văn Hòe
Khóc vì Tố-Như — Song-Cốt

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
195, RUE DU COTON, 195
HANOI

GIÁ BÁO :
mỗi số 16 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80
Ngoại quốc và công sở giá gấp đôi

Vấn đề dịch sách

Cần phải dịch nhiều những sách hay của cổ, kim, đông, tây để cống-hiến cho đồng-bào

HOA-BẰNG

Để giới-thiệu tư-tưởng và để làm giàu thêm cho kho văn-hóa nước nhà, không gì bằng phiên-dịch sách-vở ngoại-quốc ra tiếng mẹ đẻ.

Ta nên nhớ rằng, hiện nay, ngoài những người được cái « đặc-ân » ngồi trên ghế dài nhà trường, còn có biết bao kẻ xung-quanh không được cái may-mắn hưởng-thụ giáo-dục như họ.

Ta cũng đừng vội tự hào rằng, bây giờ, xã-hội ta đã sản được nhiều tay thạc-sĩ, bác-sĩ, học-sĩ và kỹ-sư, mà tưởng trình-độ tân-học của ta nay đã bước lên một nấc khá cao rồi đâu. Không, ta phải nhìn thẳng vào tận đám quần chúng. Nếu đám này còn thấp-kém, thì trình-độ tinh-thần của xã-hội ta chưa thể gọi là có vẻ khả-quan được

Ta cũng đừng nên tự cao, tự đại, tự mãn, tự túc mà lầm nghĩ rằng, ngày nay, chỉ riêng trông vào những tác-phẩm bằng quốc-văn của các nhà cầm bút trong nước mà đủ cung cho người mình hết mọi món, mọi vị về thức ăn thiêng-liêng để bồ trí, ích thần đâu. Không, trong bãi sa-mạc mông-mênh vắng-vẻ này, một hai cái tiểu-thụ-lâm đã lấy gì làm thỏa mãn cho khách bộ-hành đòi gọi !

Phải, không thể hẹp-hòi thế được. Đành rằng sáng-tác vẫn cần ; nhưng dịch-thuật, đối với trình-độ hiện nay của xã-hội ta, lại không phải là vấn-đề không khẩn-cấp.

◆

Trung-hoa, trong con mắt người mình xưa, vẫn được coi như một nước kiểu mẫu, hơi nữa, được kêu là « thiên-triều », là « thượng quốc », thế mà từ đời Thanh (1644-1911) đến giờ, họ phải cắm đầu phiên dịch các sách ngoại quốc không biết bao nhiêu mà kể. Xem ngay bản thống-kê về số sách xuất-bản trong năm Trung-hoa Dân quốc hai mươi sáu (1937) của riêng một nhà Thượng vụ ấn thư quán, ta thấy, kể một tháng, giêng nhà in ấy đã ra tới 83 loại sách gồm 164 cuốn, thế mà tửu-trung, số dịch phẩm không phải không chiếm một phần đáng kể.

Nước Nhật cũng vậy, từ khi duy-tân, người ta rất chú-trọng đến việc dịch sách ngoại-quốc, nhất là từ sau hồi Âu-chiến trước (1914-1918) họ lại càng hết sức cổ-vũ khuyến-khích việc ấy, nên các dịch-phẩm về khoa-học và văn-học của các nước Âu-Mỹ, ở đâu cũng được hoan-nghinh.

Xin các bạn thử ngó qua bản thống-kê dưới đây do tờ « *Thời-sự tân-báo* » (Jiji-shimpô) đã kể cho biết về số sách mà Nhật từ năm 1910 đến 1922 đã dịch của Âu-châu :

Năm 1910 :	91 bộ
Năm 1915 :	60 bộ
Năm 1921 :	274 bộ
Năm 1922 :	245 bộ

Thế đủ biết các nước người ta chú-trọng đến việc phiên-dịch là dường nào !

Người mình, từ ngày âu-hóa đến giờ, những sách dịch của Âu-tây phần nhiều mới chỉ là những thứ văn chơi và tiểu-thuyết, chứ đối với những loại về khoa-học, triết-học, bấy lâu hãy còn dường như những cây mọc trong rừng cấm, chưa mấy ai đụng riu búa đến bao giờ !

Còn những sách chữ nho ? Từ khi gác ống quyển, bó gọng lều, người ta coi nó hầu như những vật vô dụng vì ít khi có thể dùng làm cái cần để câu cơm hay là những bậc thang để trèo lên lâu đài phú quí, nên ít ai chịu khó mò-mẫm trong rừng nho, bòn mót lấy những cây to gỗ tốt để góp vào công-cuộc xây-dựng cái nhà văn-hóa cho nước Đại Nam !

Mà thật thế, cứ soát lại cái tủ sách quốc văn của ta thì đủ biết. Ngoài mấy cuốn tiểu-thuyết tàu và, cao hơn, một đôi cuốn Kinh, Truyện như *Luận-ngữ*, *Mạnh-tử*, *Đại-học*, *Trung-dung* đã được dịch ra quốc văn, ta thấy biết bao những sách hay của chư tử bách gia vẫn chưa được dịch ra tiếng mẹ đẻ !

Vậy, việc cần bây giờ là, trong trường doanh-tác « văn-hóa », ta phải có những tay thợ chuyên-môn : những nhà tân-học uyên-bác không nên « chôn chữ » mà không cống-hiến cho đồng-bào bằng cách thực-hành những điều sở học : dùng quốc-văn làm lợi-khí, dịch hết những sách về khoa-học và triết-học để truyền-bá tư-tưởng Thái tây và làm phổ-cập trong xã hội ta những cái tốt, cái hay, cái mới của những nước tiên tiến.

Còn những tay nho-học uẩn-súc và tinh-thâm cũng cần phải dởm-đương lấy cái thiên-chức do mấy mươi đời nay dồn-dập trút lại. Những bậc thâm nho này là đại-biểu của thế-hệ cũ, là những chiến tướng của đám cô-quân sót lại sau những trận thất-bại vì hoàn-cảnh biến thiên. Về hạnh-phúc cá-nhân, đã đành các ngài phải chịu vô-cùng thiệt-thòi từ trước đến giờ. Nhưng nay, nhiều việc cần kíp đương đợi các ngài đấy. Các ngài quyết không nên ẩn-độn mà chối kệ mãi cái trách-nhiệm ấy cho ai được nữa. Các ngài phải mạnh-bạo cáng-đáng lấy công-việc này : giới-thiệu với các bạn hậu tiến những món tinh-hoa của các hiền-triết Á-đông, phải dịch ra quốc-văn những sách nho hay mà trước giờ chưa dịch.

●

Sự dịch sách ngoại-quốc, vẫn biết, là việc rất cần đối với hiện-tình xã hội ta nay. Nhưng dịch sách không phải là việc dễ-dàng, ai cũng làm được và cẩu-thả thế nào xong thôi đâu. Ta phải thận-trọng lắm mới được.

Nhà học-giả Nga Kornei Ivanovitch Tchoukovski có nói : «...Dịch-giả chẳng phải chỉ thông-đạo lời văn mà đã gọi là xong việc được đâu, lại còn phải nên hiểu sâu, biết rõ đặc-tính cái tác-phẩm của tác-giả mà mình dịch Ấy chính như một vai kép, vì cái ý muốn đem nhân-vật trong tấn trò, dùng hình-thức của nghệ-thuật mà biểu-diễn ra, phải diễn làm sao cho cái cá-tính được linh-động như sống. Cũng một thể ấy, dịch-giả cũng phải cùng với tác-giả của sách mình dịch đều cảm-thụ một cách giống nhau như một hết thảy cái của ngoại-giới... »

Nguy nhất là những người khinh suất, chỉ vì hám cái lợi nhỏ hay cái danh hão, dám cả gan dịch liều-lĩnh những văn vượt quá sức mình hoặc những món ngoài địa-hạt mình đứng, nên mới diễn thành cái trò « *tác* đánh *tộ*, *ngộ* đánh *quá* » hoặc trông *gà* hóa *cuốc*, chỉ *ngựa* làm *hươu*. Cái tệ này chẳng những riêng ở nước ta, mà ngay ở các nước văn-minh như nước Đức cũng không phải không thường thấy. Chính nhà văn nước ấy là Stefan Zweig đã phải than phiền : « Tôi thấy tình-hình trong giới phiên-dịch gần nay nảy ra một cơ thật nguy, ấy là có một số đông, — nhất là phái phụ-nữ — đối với nghề dịch, không phải là nghề mình làm, song chỉ vì muốn làm để kiếm thêm ngoài nghề chính của mình, họ thấy có một cuốn sách mới xuất-bản của ngoại-quốc, liền cầm lấy dịch ngấu nghiến, chứ chẳng rồi suy-nghĩ đến phương-pháp phiên-dịch ra sao nữa Ấy vì, về phần văn ngoại-quốc và văn bản-quốc, họ chẳng có cái cội-gốc vững-chắc gì cả, nên bản dịch của họ như thế, chẳng cần phải hỏi cũng biết ngay là hỏng bét hỏng be ! »

Vậy mong trong phiên-dịch giới ở ta, ai có đủ tài lực thì nên ráng sức làm việc để giới-thiệu cho bà con những tư-tưởng học thuật cổ, kim, đông, tây, để góp thêm vào kho tinh-thần tri-thức nước nhà những vật báu hàng tốt từ nước ngoài nhập-cảng đến. Còn ai không đủ tư-cách một nhà phiên-dịch thì đừng hão cái hư danh, tham cái cận lợi mà phạm vào tội gạt mình lừa người như lời nhà trước-tác Đức vừa nói đó.

HOA-BẰNG

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng
mua vé số
Đông-Pháp
biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

Tầm nguyên Từ-điển
của LÊ VĂN HÒE
Tựa của NGUYỄN VĂN NGỌC, TRẦN TRỌNG KIM
Giá 2p80
« . . . Ce n'a pas été de faire de son dictionnaire un trop grand éloge que de l'appeler un bon instrument de travail .. A ceux qui nierd ent les progrès réalisés dans la lexicographie annamite depuis le jour où Paulus Của publiait son dictionnaire Đại-Nam Quốc-âm tự-vị, on pourrait hardiment opposer le nouvel ouvrage de M Lê văn Hòe
Ủng-hộ NGUYỄN VĂN TỐ
Annam Nouveau du 22-3-42
Thư và ngân phiếu đề
M. LÊ VĂN-HOÈ giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* **HANOI**

Nên luyện cho trẻ em tập đọc quốc-văn

CHỈ có trẻ em là hạng người ham « xem » những sách, truyện viết bằng quốc văn hơn cả. Ngoài giờ học tập ra, chúng chỉ có một cách là đọc truyện để giải-trí. Bất luận sách truyện gì chúng cũng xem cho kỳ được. Thậm chí đến một đoạn tiểu-thuyết, không đầu không đuôi thình lình thấy trong một mảnh báo gói hàng, cũng được chúng rất chăm-chú xem cho đến hết hai chữ « con nữa » mới thôi.

Từ trước đến giờ, các trẻ em có dám xem hay đọc một cách đường-hoàng đâu. Chúng vẫn đọc ở một xó xỉnh, đọc giấu, đọc giếm và lúc nào cũng nơm-nớp lo các bậc cha mẹ và người trên tóm được.

Trẻ em ham đọc quốc-văn mà vẫn e ngại, có hai hạng :

1·) Hạng đầu cho rằng đọc báo, sách tức là phạm vào một « tội-lỗi ». Chung yên trí là báo sách để dành riêng cho người lớn « đã đi làm » có quyền đọc, vì chúng thường bị người trên nghiêm-khắc đe-mắng : « Suốt ngày chỉ thấy cắm-cúi vào báo chí, bỏ cả bài vở học hành ; đi làm, sẽ tha hồ xem... »

2·) Hạng sau bị các bậc phụ huynh cấm đoán hẳn, vì các người này cũng đã công-nhận rằng văn-chương nhảm-nhí có hại rất có thể làm hư-hỏng con em.

Việc đề-phòng ngăn-cấm con em đọc những sách, báo bậy-bạ, quả là một việc làm quý-báu lắm. Song, việc ta làm đó chưa đủ, vì đó mới chỉ là được có một mặt.

Ví như muốn kiêng-giữ cho một bệnh-nhân tránh dùng những thức uống ăn nguy-độc cho cơ-thể, ta cần phải đem-bù vào chỗ nhịn suông của họ, nghĩa là cần phải tẩm bổ cho bệnh-nhân bằng những thực phẩm tốt lành. Nếu không, họ chẳng được hưởng một lợi gì thêm và, nói rộng ra, thực-phẩm bổ-ích đã sản-xuất mong sao tiêu-thụ được nhiều ?

Đằng này cũng vậy, một khi ta đã ngăn-ngừa trẻ em đọc văn-chương nhảm-nhí cốt giữ cho tinh-thần chúng được trong-sạch, ta cũng đừng nên quên rằng phải nuôi những tinh-thần đó bằng sách, báo có giá-trị quí-báu. Phải chăng việc ta làm ấy sẽ được lưỡng lợi : vừa gây-dựng cho con em trở được nên người hay, vừa nâng-đỡ cho nền văn-chương được vững-chãi.

Cho nên, tôi thiết nghĩ, đừng nghiêm-cấm hẳn con em đọc báo sách, phải cho phép chúng đọc luôn và đọc nhều, khi chúng đã làm trọn hết cả bài vở của nhà trường.

Đọc tức là học thêm những điều hay, lẽ phải.

Nhưng, điều cần hơn cả, ta phải luôn trông-nom săn-sóc đến chúng, luyện cho chúng tập đọc quốc văn cho đúng cách.

Trẻ nhỏ xưa nay vốn chỉ quen « đọc yên lặng » bằng mắt, miễn hiểu ngầm được đại-ý đoạn sách thì thôi, không hề lưu-tâm đến lối đặt câu, lối dùng những dấu chấm câu của tác-giả.

Cho nên, khi trẻ đọc cho ta nghe, ta chỉ thấy toàn một giọng nhăm-nhắn nhát gừng. Và ta còn phải bực mình là khác nếu trẻ đọc không được gẫy-gọn làm cho ta chẳng hiểu chúng đa đọc những gì.

Cũng như ở trong văn-chương pháp, những dấu chấm câu rất can-hệ cho ý-nghĩa của câu văn. Nếu vô-ý đặt dấu không phải chỗ, hoặc đọc sai lạc mất dấu, người ta có thể khiến cho câu văn thành ra hoặc biến nghĩa, hoặc tối nghĩa hoặc mất hẳn nghĩa đi.

Ví dụ một câu : « *Trước làn khói hương tôn-sùng của đời Lý, trong tam giáo, đạo Phật được đứng đầu hàng. Vì Lý-Thái-Tổ đã là con nuôi sư Lý-Khánh-Văn,...* » (Trích trong một đoạn *Việt-nam văn học sử* của Hoa-Bằng).

Nếu trẻ em đọc không đúng cách, chúng sẽ làm cho câu văn biến sang nhiều câu khác rất ngộ-nghĩnh mà ý-tứ trái ngược hẳn nhau : « *Trước làn khói hương — tôn-sùng của đời Lý — trong tam giáo đạo — Phật được đứng đầu hàng. Vì Lý-Thái-Tổ đã là con — nuôi sư Lý-Khánh-Văn...* »

Vậy muốn luyện cho con em tập đọc quốc-văn cho đúng cách, thiết tưởng, không gì hơn là bắt chúng phải đọc cho cao giọng và phải điều-hòa ngừng-nghỉ theo đúng chỗ các dấu chấm câu. Đọc nhều và đọc to, chúng sẽ quen dần và, nhờ đó, không những riêng phần chúng, chúng sẽ hiểu nghĩa tường-tận hơn, mà người nghe cũng có thể hiểu theo được một cách rõ-ràng. Vả lại, rồi đây trong những câu truyện, chúng sẽ quen thạo nói được những lời gọn-ghẽ dễ nghe, và giọng nói của chúng sẽ có rất nhiều duyên.

Một khi trẻ em đã đọc được, nghĩa là đã « đọc nổi » quốc văn, bấy giờ chúng sẽ biết so-sánh được thế nào là những đoạn văn đặt có mạch-lạc tài-tình ; sẽ biết phân-biệt được câu văn nào là câu văn không hợp-pháp ; sẽ bực mình không chịu nổi đối với những câu văn lỗ-lăng chẳng ra tây, chẳng ra tàu...

Nhờ việc gây nuôi dìu-dắt từ bé, trẻ em, một khi lớn lên, sẽ biết loại bỏ thứ văn bậy mà mong thưởng-thức một hạng văn chính đáng.

Thế là trong giới văn-học, ta đã gây được một toán quân lành-nghề biết nhổ sạch những cỏ rác trong vườn văn-chương, để dành chỗ đón các cây hoa tươi-đẹp thơm-tho chồi mầm nẩy ngọn !

CÂY THÔNG

Kỳ thi Sơ-học pháp viết sắp tới

Các giáo viên nên cho học trò luyện thêm ở quyển

82 BÀI LUẬN QUỐC-VĂN

của ông Giáo Nguyễn Đức-Bảo soạn

mới in lại lần thứ 2, giá 0p.40 — cước 0p 10

Để cho Đông-tây thư quán, 195 hàng Bông, Hanoi

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 21

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN TỐ

LXXXVII

Quận-công Phán-trung hầu trí-sĩ phụng ngự ban thi quốc-âm nhất thủ

Cần-lao giữ vẹn chữ dương quan,
Cập-cách rày noi lệ dưỡng nhàn.
Nam thự rỡ-ràng phô áo gấm,
Đông-tân dìu-dặt gác trèo lan.
Tuyết-sương chưa nhuốm đôi mai bạc,
Vàng đá nên bền một tấm đan.
Ngoài quyết, giang-hồ, hai nhẽ ấy,
Hãy cân nhắc đấy thú nào hơn?

(Trích ở quyển *Quốc-âm-thi-ca tạp lục*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số AB 296)

LXXXVIII

Thượng-thư Nghĩa-đức hầu trí-sĩ phụng ngự tiễn thi quốc-âm nhất luật

Thời cát-sĩ, quốc lương-thần
Đôi giả đà nên giả tịch trần.
Lao-lực mấy phen bền một tiết,
Thanh-liêm hai chữ vẹn mười phân.
Ghi son tạc sắt dành in khoán,
Yêu nước vui non phải nhắc cân.
Lòng ấy lòng nào nên nghĩ đấy,
Luân chi là ở trước năm luân.

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp lục*.)

LXXXIX

Chùa Phả-lại

(*Của Trịnh-Căn, 1682-1709*)

Bài dẫn (Bằng hán-văn, dịch ra quốc-văn). — Cảnh Chúc-thánh ở Phả-lại là một trong bốn cảnh thiền-lâm nhớn nhất của nước Nam ta. Sở-dĩ được tiếng, không những vì chuông to, còn vì đất thiêng: cảnh sơn-tú, khi mây tan muôn đỉnh rõ màu xanh; khi mưa tạnh, nghìn non treo sắc biếc; cảnh thủy-thanh, thác êm mà đàn cá chơi giăng, nước trên lên sáu rồng bơn ngọc. Thực thức phon quang, trân kỳ đang quí: thật là nơi của những bậc cao nột (sư tu đắc đạo) mến cảnh vân-yên và là dấu vết thiêng dựng cây tích-trượng gậy của nhà sư để độ cho thế gian", khó hương truyền mãi đến ngày nay. Bao-quát một bầu giời đất, làm ra một luật thơ bảy chữ như khuê tảo, để ghi dấu vĩ quan.

Tạo-thành nhờ có sức thiên-thành,
Thắng cảnh thừa lưu rất hữu tình.
Hoa ánh đài lan màu điểm ngọc.
Xuân vầy dặm liễu thức pha xanh.
Tinh-hà vẻ dậy, nghìn từng gấm,
Sơn-thủy đồ phong, mấy bức tranh.
So ví Viên-kiều đây ý cũng,
Xiết đâu khen ngợi khí trang linh.

(Trích ở quyển *Ngự-đề Thiên hòa-doanh bách vịnh* của Trịnh Căn, sách viết bằng chữ nho và chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 544, tờ 15 b — 16 a.)

XC

Châu-sơn danh-thắng

Rẽng kia hoang bỏ ai xây!
Châu-sơn dấu sót đến nay còn thừa.
Kinh-xà về bể hay chưa?
Nữ-tiên còn phá, béo thừa về sau.
Thôi-Trọng tòng tiên ở đâu?
Triệu-vương vào giếng ắt hẳn phải đây.
Ta hằn muốn hỏi việc nay,
Nhận lau biơ sót ghi ngày thắng du.

(Trích ở quyển *Phong-cảnh biệt-chi*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 377 tờ 13b.(1)

XCI

Bài tán ông Tiến-sĩ

(Của Nguyễn-đình-Tố, đỗ tam giáp tiến sĩ năm 1769)

Kia ra đường, thì lọng rập-rình đôi, võng dan-díu bầy; gậy sừng hươu vác trước nghênh-ngang, giáo cờ ngồng xua nhau lập-lẫy; trống t ều cồ lung-tung lừng g'ọng hát, giời nghiêng một góc tưng-bừng; quân t'ền-hô thét-lác tránh ra oai, người dẹp đôi bên thây thầy Kẻ đi đường phải nghiêng nón dạo quanh; người ngồi quán phải nép mình đứng dậy.

Khi vào chầu thì nghiêm-trang mới dám nghi-vệ căng gia: đai mặt ngọc sáng lừng đủng-đỉnh. ủng mũi ngao cạo-cật nhởn-nhơ; đầu đội mũ đồng-cân, phẳng-phắt ngắm hình khác nào Bụt hiện; lưng đeo tấm bồ-tử, thướt-tha xem dạng quá ngỡ tiên sa

Khi ra vâng chịu mệnh vua, sửa sang việc nước; kinh-luân mặc sức đảm đang, khôn-khéo ra tay mực thước; thét một tiếng gian-tà co cổ, ai nào dám he; quát một điều nha-dịch cau mày, người nào dám lược.

(Theo quyển *Quốc-văn tùng-ký* của Hải-chu tử biên-tập, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ số AB 383, quyển thượng, tờ 22 a) (2)

Còn nữa

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ biên tập

1) Những bài thơ, bài ca, đăng kỳ này chưa ai in ra quốc-ngữ. Nguyên-văn chữ Hán bài *Phong-cảnh biệt-chi* chép ra sau này:

Châu-sơn danh thắng (thuộc Tiên-du huyện, thượng hữu Việt-tỉnh).

Việt-tỉnh hoang lương kỷ độ thu,
Châu-sơn di-tích chí kim lưu.
Kinh-xà cửu dĩ qui thương hải,
Thần-nữ do tồn hội chuế do.
Thôi-Trọng thừa vân hà xứ thị,
Triệu-vương nhập tỉnh quả nhiên phần
Ngã lai dục vấn đương niên sự
Nhàn phất di bi kỷ thắng du.

2) Bài tán ông tiến-sĩ đã có hai ba người in ra quốc-ngữ. Có người in là «lọng rập-riu đôi» (chứ không phải rập-rình như bản nôm của Bác-cổ), có người in là «quân tiền hô tránh tránh thét ra oai» (chứ không phải quân tiền-hô thét lác tránh ra oai v.v.

TRUYỆN VUA ĐINH TIÊN-HOANG (968-979)

Bài nối

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XI. — Đinh Bộ-Lĩnh lạc đường vào ngủ nhờ một cảnh chùa

Nép mình chẳng dám nói-năng,
Thày mới hỏi rằng : «Ai đến làm chi ? »
Nói trình sau trước vân-vi :
« Khó đi kiếm cá, gặp thì chẳng may,
« Tối-tăm mưa gió nhường này,
« Về chăng biết nẻo, cậy thày vào nương. »
Thày nghe cám cảnh lòng thương,
Dọn cơm thết-đãi, don giường nghỉ - ngơi.
Thày hay cao ý dạy ngồi,
Vắng đêm thấy người dạo xét sự-duyên.
Bỗng sao sáng khắp hòa chiền ?
Thày ngờ Phật giáng thày liền cúng hương.
Động bên chẳng thấy hào - quang,
Nín thôi thời lại bừng-bừng như xưa.
Thấy trong chỗ nghỉ (1) sáng ra.
Biết tình thày chẳng có ngờ chi đâu.
Sáng ngày thày hỏi trước sau,
Ngọc khuê nghỉ (1) mới đem hầu thày coi.
Nhìn đi nhìn lại một thôi !
Giờ lâu thầy mới mở nhời nói ra :
« Con ta (2) phúc đức hay là,
« Ngày sau làm chủ quốc-gia trị đời.
« Nhưng hiềm phúc hưởng chẳng dài,
« Ngắn dài có số, tượng giời đã chia.
« Phô loài phù thụy xưa kia,
« Như hoa khai lạc, một thì bằng nay.
« Đức năng thắng số ai hay,
« Con hãy tu đức, mai ngày sẽ bù,
« Thày cũng là kẻ sư-mô,
« Xưa làm thuật-sĩ, nay tu ở già. »

XII. — Đem ngọc khuê đến tìm Trần Minh-công

Tạ thày, Bộ-Lĩnh trở ra,
Một mình lưỡng-lự, cùng hòa dở-dang.
Mong về Gia-viễn cố-hương (4),
Lại lo lòng chú chẳng thương hồ-đồ.
Mong về Giao-thủy chốn xưa,
Tổ-tông chi đấy mà cho chóc mòng.
Xưa nay mấy kẻ anh-hùng,
Biết bao khổ-nhục kể cùng gian-nan !
Lấy nền công-nghiệp làm hơn,
Nào toan sinh-tử, nào toan nhọc-nhằn.
Ngùi-ngùi nhớ đức tiên-nhân,
Bao giờ sáng chút một phần đèn mờ ?
Cam lòng phỉ ước thuở xưa,
Nghĩ còn mặt thấy, nào ngờ mình xa !
Đau lòng ấm-ỷ xót-xa.
Sứ-quân thập nhị tranh đua đêm ngày (4).
Nào ai còn nhớ nghĩa thày !
Mạnh đâu cứ đấy, múa-may anh-hùng.
Khá khen họ Trần Minh công (5)
Ở ngoài Bố-hải cả dung anh-tài (6),
Bộ-Lĩnh tuổi đã hai mươi,
Ngồi chẳng chỗ ngồi, ăn chẳng chỗ ăn
Tai từ nghe thấy đức nhân,
Có lòng đãi-sĩ, có ân dung người.
Ta sang ở đấy hôm mai,
Họa may lòng giời, có hậu cùng chăng.
Gìn lòng giữ báu khăng-khăng,
Hiền xưa từng rằng : « Vật bất li thân»
Bả-phù Hán-tỉ để phân,
Chẳng nên thời đổi lấy quân giữ nhà.
Một lòng quyết chẳng hai ba,
Thăm đường Bố-hải, tìm ra xưng thần.

XIII. — Trần Minh-Công gả con gái cho Đinh-Bộ-Lĩnh

Cửa dinh thơ-thần hỏi dần,
Tình cờ khi ấy họ Trần ra chơi
Thấy lạ bèn hỏi : « Ấy ai ? »
Rằng : « Tôi là người quê ở Hoa-lư.
« Cha tôi thứ-sử Hoan-chu (7),
« Là Đinh-công-Trứ đời vừa chiến-tranh.
« Sinh ra còn trẻ phù-sinh,
« Loạn về quê cũ, đem mình lên tiên.
« Mẹ tôi góa bụa khổ hèn,
« Giai thuở thất quyền, gái nhỡ hồng-nhan.
« Liền nên nhị rữa hoa tàn,
« Bướm chẳng đoái nhìn, ong chẳng tham thanh.
« Mẹ nam con bắc cầu sinh,
« Tôi bỗng một mình, lạc đến chưng đây ».
Trần-công thấy nói biết hay,
Con dòng nhỡ bước, thương thay ngùi-ngùi.

Nhìn xem diện - mạo khác người,
Dưới phàm họa có dễ ai sánh cùng.
Mày giăng, tóc phượng, mũi rồng,
Trượng-phu đã hẳn, anh hùng chẳng sai.
Bảo rằng : « Chú ngỡ là ai !
« Xưa Đinh công-Trứ với người đã giao
« Loạn phân từ ấy cách nhau,
« Kẻ nhậm chư-hầu, người làm tá-vương,
« Trượng-phu nghiệp ngỡ vững-vàng.
« Nào ngờ tạo-hóa nhỡ nhàng người vay !
« Giời xui con lại đến đây,
« Nghĩa cũ một ngày muôn kiếp chẳng phai.
« Chú nay chưa có con giai,
« Lo sau hậu-tự cho ai nghiệp này ?
« Xin con ở cùng chú đây »
« Cho chú dạy-dỗ họa rày nên thân ».
Thấy nói Lĩnh mừng muôn phần,
Cửa dinh hầu hạ chuyên cần vào ra.
Xem Trần-công vững đạo cha,
Có ăn có mặc, liền ra thân người.
Một ngày là một tốt tươi,
Dung nhan diện mạo khác người phàm dân.
Duyên giời tạo-hóa khéo phân,
Họ Trần con gái vừa tuần tuổi nhau.
Minh-công xem biết trước sau,
Anh-kỳ khôi-vĩ thế đâu cho bằng ?
Hòa thêm hồ bộ long hành,
Thiên biểu nhật dốc, thực hình đế vương.
Dưỡng nuôi xem vững ngọc vàng,
Mấy quyền trao ấn, gả nàng kết ơn.
Trong ngoài mặc sức đem quân,
Quan sứ họ Trần niên lão ngồi nghe.

XIV.— Đinh-bộ-Lĩnh viết thư về nhà

Viết thư bèn khiến một người
Về trình mẹ chú khúc nhôi hay tình.
Cùng thăm Nguyễn, Trịnh, Lưu, Đinh (8),
Hợp chư quần mục, phân minh sự lòng.
Thấy thư ai nấy hai hung,
Họ hàng thân thích, tây đông trong ngoài.
Nghe tin cả bé ai ai,
Đất bằng sấm dậy, giời xui người lam.
Bấy giờ tin bắc tin nam,
Như rồng thêm cánh, như hùm thêm vây.
Nguyễn, Đinh, Lưu, Trịnh biết hay,
Rủ nhau ai nấy kỳ này đến nơi.
Đinh công thấy mặt ngùi ngùi,
Nghĩa thày tớ cũ, cùng ngồi dã nhau.
Năm người ngước mắt nhuốm thâu,
Những ngờ lưu lạc, hay đâu sum vầy !
Thôi liền chén chuốc vơi đầy,
Yến duyên cao thấp, tiệc vầy y-la
Bảo nhau sự cũ lâu xa,
Bởi có lợn ấy cho ra nỗi này.
« Mỗ từ lưu-lạc bấy-chầy,
« Nhớ đến nhau rày, trong dạ còn đau.
« Bây giờ được thấy mặt nhau,
Dầu nên kia khác, thề âu ở giời ».
Trần công sầy thác hôm mai,
Tớ thày rộn rịp trong ngoài lo toan.

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ sao-lục

(Trích ở quyển *Thiên Nam ngữ lục ngoại kỷ*, sách viết bằng chữ nôm của trường Bác-cổ, số A B 478, tờ 62b — 64b).

1) « Nghĩ » ở đây là «hẳn», tiếng đường trong ;có người đọc là «ngải».

2) « Con ta » dịch đúng chữ « ngô tử » trong *Đại-Việt sử - ký* (bản - kỷ, quyển 1, tờ 8b) : « ngô tử tha nhật qui bất khả ngôn», nhà ngươi ngày sau sẽ hiển-đạt không thể nói xiết.

3) Gia-viễn là tên đặt sau ; thực ra thì hồi bấy giờ còn gọi là Đại-hoàng. *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương mục* (chính biên, quyển 1, tờ 2b) chua « Đại-hoàng là tên châu, nay là huyện Gia-viễn, thuộc tỉnh Ninh-bình».

4) Theo quyển *Đại-Việt sử ký tiền-biên* (bản kỷ, quyển 1, tờ 1b-2a) và quyển *Đại-Việt sử-ký toàn - thư* (bản kỷ, quyển 1, tờ 2a), hồi năm 965 «mười hai sứ - quân cùng xưng hùng-trưởng và cắt giữ bờ-cõi, là Ngô - xương - Xí giữ Bình-kiều, Ngô-nhật-Khánh giữ Đường-lâm, Kiều Tam - chế giữ Phong-châu, Nguyễn Thái-bình giữ Nguyễn-gia loan, Đỗ-cảnh-Thạc giữ Đỗ-động-giang, Nguyễn Lệnh-công giữ Tây-phù liệt, Lư Tá-Đường giữ Tế-giang Nguyễn thủ-tiệp giữ Thiên-đu, Lí Lãng-công giữ Siêu loại, Kiều Lệnh-công giữ Hồi-hồ, Phạm-phòng-Ất giữ Đằng-châu, Trần Minh-công giữ Bố hải ». Những đất ấy nay tên là gì ? Có sách quốc-ngữ đã nói tới, như quyển *Việt-nam sử-lược* của ông Trần-trọng-Kim, nhưng không thấy căn-cứ vào đâu cả. Nay muốn kê-cứu cho tường tận, phải viết ra một bài riêng, không thể nói qua-loa ở chú phụ-chú được.

5) « Đinh Bộ-Lĩnh nghe Trần Minh-công có đức, đến theo. Minh-công sai giữ binh-quyền ; lúc Minh-công mất, Bộ-Lĩnh nhân quân ấy giữ Hoa-lư, thu phục những kẻ hào-kiệt và giữ nơi hiểm-yếu. Hai vua Ngô Nam - Tấn và Ngô Thiên-Sách (951-965) đánh không được. Lúc nhà Ngô mất (năm 965), Bộ-Lĩnh hàng được Phạm-phòng-Ất, đánh tan được Đỗ-động, đánh bại được thành ấp, đi đến đâu đánh được đấy, nên gọi là Vạn-thắng vương, rồi dẹp yên được mười hai sứ-quân, tự lập làm vua » *Khâm - định Việt-sử thông giám cương mục*, chính biên, quyển 1, tờ 2 ab).

6) Ông G. Dumoutier làm bài *Etude historique et archéologique sur Hoa-lư, première capitale de l'Annam indé-*

Xem tiếp trang 20

Bia kỷ-niệm công-đức ở đền thờ vua Đinh-Tiên-Hoàng

Bài I

HỮU công ư dân tắc tự chi, tiền đại đế vương đoan củng cửu trùng chi nội, trị kỳ quốc-gia, suy minh pháp độ chi chương, chế tác lễ-nhạc chi tác, trạch cập tư dân chi viễn, hữu công ư thiên hạ hậu thế : thịnh hĩ tai, bất khả vong giã ! Hậu nhân truy tư chi, kiến lập miếu đình, xuân thu tứ thời hưởng thiên hạ chi báo.

Việt tự Thiên-Nam lập quốc, triệu thác vu Kinh-dương-vương sinh bách nam chi tường, vi Bách Việt chi tổ. Việt Đinh-Tiên-Hoàng ứng hoàng long chi thụy, khởi Hoa-lư chi động, cử bách vạn nghĩa lữ, bình thập nhị sứ-quân, thổ địa nhân dân, giai vi sở hữu. Dĩ thiên-hạ sơ định, sáng chế triều nghi, định lập quân-lữ, điển chương văn vật, hoán nhiên khả quan. Ngã Việt chính thống chi quân tự thử nhi thủy.

Kỳ hậu lịch đại Liệt-thánh diệt tương kế tác, diệc y phỏng thử. Đình triều hoằng qui ý phạm, công đức mậu thịnh, hựu hà gia yên. Duy kỳ công chi mậu, cố cửu nhi bất vong ; duy kỳ đức chi thịnh, cố báo chi dã hậu. Tiền triều dĩ lai, nội hưu cửu mẫu lục cao miếu thổ, quảng kiến đình miếu dĩ phụng sự chi. Quốc đảo dân kỳ, hiển hữu linh ứng. Lũy truy gia phong vi thượng-đẳng-thần, trước nhập tự điển, tính cấp dưỡng tế điền bát-thập mẫu, dĩ tôn sùng phụng Năng tuân cổ-điển, cử hoằng văn-hiến, tất hữu đãi ư kim nhật.

Hồng duy : Thánh triều thánh thiên-tử, đức long thượng-thánh, vận phủ trung-hưng, lý tôn chính vực trung, dĩ hiếu trị thiên-hạ, thực lại Đô-nguyên-súy tổng quốc chính Thượng-phụ An-bình-vương, đồng tâm tu bổ, tái tạo vương thất, đãng thanh hải vũ, khôi phục kinh thành. Dĩ vi hiếu chi đại, truy tư tiền-triều nguyên-thánh thịnh đức, đại công sùng đức, cấp dưỡng vị điền thất mẫu phụng sự, dĩ vi hưng kế chi ý : hậu chi chi dã. Thấn hựu trợ thành chi giả, hữu Đề-đốc Hiệu-lực Tứ-vệ-quân sự-vụ Lễ-quận-công Bùi-Thời-Trung, bao tiên-đế công nghiệp, suất bản-bộ dân, trùng tu tăng tập từ vũ, dĩ ngụ kính sự : cần chi chi dã.

Hoàng-định thất niên (1606), phụng mạnh tế quan Tổng-thái-giam chưởng quản cung môn khai-thừa-chế Văn-lý hầu Trần-Đoan cần khải bẩm phê, chuẩn cấp bản huyện Trường-yên thượng xã trục hạng dân đinh đẳng vi sái tảo, dĩ tiện phụng sự hương hỏa, hệ sở cai sưu sai các dịch tịnh đinh, như hữu lệnh tống cấp giả. Hữu dĩ ngưỡng kiến chúa-thượng lục cung đại quản (?), y dư, thịnh tai! Nhiên hậu tri nhất đại chi hưng, tắc tiền đại viên lăng từ miếu, sùng kiến dĩ hậu báo chi : cổ nhân vi lự chi thâm thả viễn.

Ngưỡng kim gia phong tự điển ký dĩ cử hành, phụng sự tế điển hựu tăng sùng cấp. Thâm tri phù tiên thế đế-vương thủ hữu công-đức ư dân, sở dĩ báo chi giả như thử kỳ chi, khởi Đinh-triều nhất đại chi tích, tương dĩ khai ức vạn niên nhân hậu chi mạch huệ Lê triều kiến quốc ức vạn niên chi tộ, bảo lê dân triệu thứ ức vạn niên chi an : kỳ công-đức giữ thiên địa chung thủy tương vi vô cùng hĩ.

Hoàng-triều Hoằng-định cửu niên (1608), long ấp Mậu-thân, bát nguyệt, cốc nhật.

Tứ Mậu-thìn khoa Tiến-sĩ, đạc-tiến kim-tử vinh-lộc đại-phu Nguyễn-Lễ Thuần-Khanh soạn.

Dịch nghĩa :

Có công với dân thời thờ tế. Các bậc đế-vương ngày trước ngồi trong chín lần, cai trị thiên-hạ, đặt ra khuôn phép, dựng ra lễ nhạc, ân trạch thấm đến dân chúng, có công với thiên-hạ, muôn đời không thể nào quên. Người đời sau nhớ ơn, dựng lên đình miếu, bốn mùa cúng tế để hưởng sự báo-đáp của thiên-hạ.

Kể từ trời Nam dựng nước, mở mang từ đời vua Kinh-dương-vương, sinh ra trăm con trai, làm tổ trăm nước Việt. Đến vua Đinh Tiên-Hoàng ứng điềm rồng vàng, khởi từ động Hoa-lư, đem trăm vạn quân nghĩa, dẹp mười hai sứ-quân ; đất cát nhân dân Ngài đều có cả. Lúc mới định được thiên-hạ, đã sáng chế ra triều-nghi, chỉnh-đốn lại quân-lính : điển-chương văn-vật, rực-rỡ đáng coi. Vua chính-thống nước Việt ta là từ Ngài trước. Về sau, các bậc thánh-quân mọi triều nối tiếp, cũng đều bắt chước, khuôn phép tốt đẹp, công-đức to-tát, còn triều nào hơn được triều nhà Đinh ! Bởi có công to, nên lâu cũng không quên ; bởi có đức dày, nên báo lại càng hậu. Từ triều trước đến bây giờ, trong có 9 mẫu 6 sào đất miếu, làm rộng miếu đình để phụng sự Ngài. Từ nước đến dân cầu đảo việc gì cũng được linh-ứng. Đã nhiều lần truy phong làm thượng-đẳng-thần, chép làm tự-điển và cấp 80 mẫu ruộng tế-tự, để tôn-sùng phụng-sự. Hay noi theo phép cũ và mở rộng văn-hiến, hẳn còn đợi đến ngày nay.

xem tiếp trang 20

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 16 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN TỐ

NĂM quí-dậu Thái-hòa thứ mười một, tức là năm 1453, mười-lăm người đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân :

1. — Vương-tử-Xuân, người xã Sinh-quả, huyện Thanh-oai, phủ Ứng-thiên. Làm quan đến thừa chính-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, Sơn-nam, tờ 32 b).

2 — Phạm-La, người xã Yên-lạc, huyện Thanh-lâm, phủ Nam-sách. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi. Lấy công-chúa, làm quan đến chỉ-huy thiêm-sự (*Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 56 a).

3. — Bùi-Đạt, người huyện Duy-tiên, phủ Lí-nhân. *Đăng khoa bị khảo* (Sơn-nam, tờ 76) nói « có chỗ chép là người xã Hồng-mai, làm quan đến tham-chính.

4. — Nguyễn-Lũ, người xã Thời-cử, huyện Đường-an. Làm Quốc-tử-giám tế-tửu (*Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 11 a).

5. — Bùi-Siêu, người xã Đa-ngưu, huyện Văn-giang, phủ Thuận-an, (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 9 a, chép là Tế-giang). Làm quan đến trực-học-sĩ (*Đăng khoa bị khảo*, Kinh-bắc, tờ 93a).

6. — Nguyễn-như-Ngu, người xã Lôi-động, huyện Thanh-hà. Đỗ năm hai-mươi-bốn tuổi, làm quan đến tự-khanh (*Đăng-khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 71 b).

7. — Nguyễn-tôn-Khiêm (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 9 b, chép là Nguyễn-Khiêm), người xã Cổ-kinh, huyện Thạch-hà, phủ Hà-hoa. Đỗ năm hai-mươi-bốn tuổi, làm đến đô-ngự-sử quận-công (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập trung, tờ 47 a).

8. — Nguyễn-Vũ, người xã Phúc-đa, huyện Đông-triều Làm quan đến An-phủ-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 97 b).

9. — Trần-cảnh-Mô, người xã Triều-thủy, huyện Đông-yên, phủ Khoái-châu, con Trần-Đương. Làm quan đến Hàn-lâm-viện thị-thư (*Đăng khoa bị khảo*, Sơn-nam, tờ 60).

10. — Nguyễn-thế-Khoa, người xã Niêm-sơn huyện Thủy-đường. Đỗ năm mười-chín tuổi, làm quan đến thái-bộc thiếu-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 93 a)

11. — Nguyễn-Am, người xã Tây-mỗ, huyện Từ-liêm. Đỗ năm mười-chín tuổi Làm quan đến chuyển-vận-sứ (*Đăng khoa lục*, q. 1. tờ 9 b, và *Đăng khoa bị khảo*, thu tập-thượng, tờ 2 b).

12 — Nguyễn-khắc-Tân, người xã Bàn-thạch, huyện Phù-dung, phủ Khoái-châu (*Đăng khoa bị khảo*, Sơn-nam, tờ 74, chép là Trần-khắc-Tân).

Thống chế Pétain đã nói :

« Nghĩa vụ lớn lao của tất cả chúng ta là phải sản-xuất thêm lên và phân chia đều hơn nữa »

13. — Lê-Trực, người xã Bàn-thạch, huyện Thạch-hà, phủ Hà-hoa Đỗ năm hai-mươi-nhăm tuổi, làm đến thượng-thư quận-công (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập trung, tờ 47 a).

14 — Hoàng-Thuần (hoặc Đôn), người xã Lạc-trường, huyện Kim-bảng, phủ Lí nhân. Làm quan đến tham-chính (*Đăng khoa bị khảo*, Sơn-nam, tờ 78 b).

15 — Nguyễn-Tế, người xã Văn-thai, huyện Cẩm-giàng. Đỗ năm hai-mươi-chín tuổi. Năm Hồng-đức bính-thân (1476), sang sứ nhà Minh tâu về việc nước Chiêm Làm quan đến phó-đô ngự-sử, trước là Cẩm-lĩnh hầu (*Đăng khoa lục*, q 1 tờ 9 b, và *Đăng khoa bị khảo*, Hải-dương, tờ 28 a).

Còn nữa *Ứng-Hòe*

NGUYỄN VĂN-TỐ

VŨ NGỌC PHAN – HUY CẬN – XUÂN DIỆU – TRỌNG LANG – PHIÊU LINH TÔ HOÀI – TRẦN THANH MẠI – VỊ HỒ – ĐỖ ĐỨC THU – MẠNH PHÚ TƯ và nhiều nhà văn có tài khác trong một nhà xuất bản đứng đắn, đáng tin cậy .

" mới "

57 Phúc Kiến—Hànội

Tất cả tinh hoa của văn chương Việt-nam hiện-đại

THÁNG MAI

KINH CẦU TỰ

tập văn xuôi đầu tiên của HUY CẬN

Giá 0p.85

(có in thêm một loại sách đẹp bằng giấy gió và vergé giá 3p 50 một bản các bạn chơi sách, xin gửi tiền về trước).

TIÊU NHIÊN MỊ CƠ

phóng tác của VŨ NGỌC PHAN

Giá 1p.25

theo tập *Le roman de Tristan et Iseult* câu truyện tình hay nhất thế giới của các thời đại.

THÁNG JUIN

Làm tiền

phóng sự của TRỌNG LANG

Con nhà nghèo

tiểu thuyết của PHIÊU LINH

Nota — Vì số sách in ra chỉ có hạn, nên mỗi tỉnh chỉ để một đại lý độc quyền. Đại lý nào muốn có sách bán, xin kịp viết thư về thương lượng.

Số 24

THỬ VIẾT

VIỆT-NAM VĂN-HỌC SỬ

HOA-BẰNG

TIẾT HAI MƯƠI NHÂM

KẾT LUẬN VĂN-HỌC

NGÔ, ĐINH, LÊ, LÝ

(968-1224)

Như trước đã nói, Ngô, Đinh trị vì không được bao lâu, nên đối với văn học chưa có gì cống-hiến cho xã-hội, hoặc có ít ỏi nhưng mất đi rồi thì cũng kể như không có.

Đến Lê, tuy có một vài nét mực sót lại, song hãy còn thơ-thớt sơ sài, chưa gây được lực-lượng lớn trên đàn văn-học.

Lý đã bước vào thời-kỳ khả-quan. Các văn thể đã dần dần thành lập. Những bài minh, ký khắc vào chuông đồng, bia đá đời Lý làm chứng với ta rằng các nhà văn bấy giờ đã có ngòi bút mạnh-mẽ, cứng-cáp.

Trong sách «Kiến văn tiểu lục» của Lê-Quý-Đôn, tác-giả có giới-thiệu cho ta biết những bài này còn lại:

1) Bài minh khắc vào chuông chùa Thiên-phúc núi Phật-tích do sư Huệ-Hưng soạn (1109).

2) Bài bia chùa Sùng-nghiêm diên-thánh ở Ái-châu (thuộc Thanh-hóa bây giờ) do sư Pháp-Bảo viết (1118).

3) Bài bia tháp Hội-thánh núi Lăng-già (1092), soạn-giả là pháp-sư Lê-Kim.

4) Bài minh khắc vào chuông và bài bia chùa Viên-quang đều do Dĩnh-Đạt làm cả (1122).

5) Bài bia tháp Sùng-thiện diên-linh (1121) ở núi Long-đột (thuộc huyện Duy-tiên) soạn-giả là Mai-công-Bật, Binh-bộ viên-ngoại-lang.

6) Bài bia chùa Linh-xứng núi Ngưỡng sơn làng Ngọ-sá, huyện Vĩnh-phúc (nay là huyện Vĩnh-lộc thuộc Thanh-hóa)... do sư Pháp-Bảo soạn năm 1126

7) Bài bia chùa Diên-phúc thôn Cổ-việt là của Nguyễn-công-Đạm, gia-khách nhà Đỗ Anh-Võ, soạn năm 1113.

Những bài văn «đồng, đá,» đó, kể theo đời Lê Quý Đôn (đời Lê Trung-hưng) còn có bấy nhiêu. Hao mòn tới nay, chưa biết những gì còn lại. Vì hiện nay trường Bác-cổ còn đang cho người đi đập lấy những bài bia xưa, chứ chưa thu-thập được đủ. Vậy muốn khảo-cứu cho tường, ta cần phải đi đến từng chỗ và xem tận từng bài mới được.

Về lối văn biền-ngẫu đời Lý, ông Lê Quý Đôn khen nó màu-mỡ, đẹp-đẽ, giống văn-thể đời Đường (1). Song tôi cho lời đó chỉ đúng ở hồi cuối Lý chứ không đúng vào hồi Lý sơ. Vì sao? Hồi đầu Lý, phong-khí còn chất-phác, văn biền-ngẫu chưa thoát cái lối mộc-mạc. Ta cứ đọc ngay bài chiếu thiên đô lên Thăng-long của vua Lý Thái Tổ thì đủ biết.

Văn-chương tiến tới theo thời-gian. Khoảng đời Lý Cao-Tông (1176-1210), ông Tĩnh-Giới (1120-1193) đã viết được những câu biền-ngẫu đẹp-đẽ và mạnh-mẽ như vầy:

Hương bôi phù xứ, thập phương tin chủ ba tùng;
Tích trượng chấn thi, tứ bộ học đồ vụ tập.

DỊCH

Chỗ chén thơm bay, ùa-ạt sóng xô mười phương tin chủ;
Khi gậy tích động, trập-trùng mây họp bốn bộ học đồ! (2)

Văn-học đời Lý có vẻ khởi sắc là nhờ Phật-giáo thịnh hành ở đời bấy giờ. Vì kinh tang nhà Phật rất uyên-thâm, ai muốn khảo-cứu nó, tất phải nhờ Hán-học làm con đường duy nhất dẫn vào cửa Thiền. Cho nên những bực cao tăng, đại đức bấy giờ tuyển là những tay tinh thông Hán-văn cả. Thơ-văn đời Lý còn sót lại trên văn đàn hầu hết là của những nhà hoặc tiên-đạo ngoài vòng bụi đỏ hoặc ngồi nhập định trong rừng núi tịch-mịch, thâm u. Vậy ta có thể nói văn-học đời Lý là một thời-kỳ Phật-học-hóa.

Trong một đời Lý hàng hơn 200 năm (1010-1224), sách xưa chỉ cho ta thấy có hai nhà nữ văn-học: 1° bà Phủ-thánh Cảm-linh Nhân hoàng thái-hậu; 2° bà Ngọc-Kiều tức Diệu Nhân ni-sư. Mà sở dĩ hai bà còn in được chút di tích trên văn-học sử là vì đã đi sâu vào rừng Thiền, góp sức trong công-cuộc truyền-bá Phật-học ở đời đó. Bằng chẳng, hai bà dầu giỏi tới đâu cũng đến mục nát theo cây cỏ, còn ai biết tới tên tuổi bây giờ? Sâu xa, thấm-thía thay cái tinh-thần tín-ngưỡng của người Nam-Việt!

Từ đời Lý Tổ đến đời Lý Anh (1010-1175), trong vòng ngót 200 năm, võ công hiển-hách, mặt Bắc, mấy phen đánh được Tống, mặt Nam, mấy lớp chinh-phục được Chiêm-thành, có thể nói là một thời-đại toàn thịnh.

Xem tiếp trang 15

Du-hí văn-chương

KHÓC VÌ TỐ-NHƯ!

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như?

ĐÓ là hai câu trong một bài thơ chữ hán của cụ Nguyễn Du làm sau khi đọc chuyện *Tiểu-thanh*, như có chép trong *Thanh-hiên thi tập*. Ý tác-giả hai câu thơ ấy cho rằng chẳng hay hơn ba trăm năm sau, trong thiên-hạ sẽ có ai khóc Tố-Như nhỉ?

Thôi, tác-giả truyện Kiều đừng phàn-nàn nữa. Đến nay tuy chưa được 300 năm lẻ, nhưng biết bao người đã phải phát khóc vì... Tố-Như.

Năm xưa, còn nhớ, có một lần, người ta chẳng những khóc vì Tố-Như, lại còn vì Tố-Như mà «lưỡng tương đấu khẩu» là khác nữa. Ấy là vụ xô-xát giữa một cụ Kép và một vị có họ xa với ông Từ-Hải trong truyện Kiều! Nhưng đó chỉ là chuyện đã cũ rồi, chứ không sốt dẻo bằng vụ kiện tranh giải về cuộc thi thơ lấy đầu đề trong truyện Kiều là danh-tác của Tố-Như vừa xảy ở Nha-trang hồi nọ.

Theo báo Đông-Pháp ra ngày 13-4-42, thì đêm mồng 4 Avril ở Nha-trang là «đêm Tố-Như», đêm kỷ-niệm cụ Nguyễn Du, những cũng là đêm để mấy thi-sĩ kiện nhau nữa.

Tại sao kiện nhau?

Vì hội-đồng chấm thi đã lấy nhất bài này:

Nấm đất bên đường

Oanh dệt liễu thoi đưa thấp thoáng,
Bướm vờn hoa hương thoảng gió đồng
Thanh-minh này tiết vui chung,
Gò nấm xiêm áo, dặm nồng khói hương.
Sao quạnh quẽ bên đường một nấm.
Màu thê-lương nhuốm sắm tà huy
Phải chăng xưa là khách tu mi
Theo trường danh lợi lỗi thì quên thân,
Hay là khách hồng quần lưu lạc
Buổi xuân tàn gió tạt hoa rơi?
Nằm đây ai biết là ai,
Trần gian một thuở, dạ đài nghìn thu.
Kìa những kẻ võng cù trướng phụng
Rồi trăm năm thân cũng thế thôi.
Chi bằng đạo đức ở đời,
Tiếng thơm để lại miệng người làm bia.

Và đánh hỏng bài sau đây:

Cửa bể chiều hôm

Trước lầu Ngưng-bích đứng trông ra
Cửa bể chiều hôm ngó thiết tha.
Sóng đất ầm ỳ lan nước bủa,
Mây trời man mác bóng dương ta,
Thuyền về bến ngỡ thuyền ai đón!
Nhạn đỗ ganh mơ nhạn tin xa!
Phận bạc giang hồ trong một lúc,
Mười lăm năm lại trở nên nhà.

Trăm đồng tiền công không bằng một đồng tiền thưởng. Tuy vậy, người ta tức nhau không phải vì bức hoành sơn đâu, mà nguyên-nhân chính có lẽ vì... «tiếng gáy».

Thế rồi, sư nói sư phải, vãi nói vãi hay, ai ai cũng ôm chặt cái «trạng-nguyên tâm», nên không ai chịu ai cả!

Kết cục việc ấy đưa đến cửa công để nhờ đến Trời công-minh soi-xét.

Đó, lại một phen nữa người ta phải khóc vì Tố-Như!

Chẳng qua chỉ tại Tố-Như bị dùng làm cái «khơi mào» nên mới có cuộc bình thơ đêm 4 Avril; lại chỉ tại văn Kiều của Tố-Như bị đem làm đối-tượng để ngâm-vịnh, nên mới có cuộc tức khí đua hơi, đưa nhau đi kiện cáo. Đó chính là:

Chưa đầy tam bách dư niên hậu
Thiên-hạ bao người khóc Tố-Như!

Nhưng giá bây giờ Tố-Như phục sinh, bị bầu làm quan tòa để xử vụ kiện này, chắc Tố-Như đến phải gạt nước mắt mà phê vào đơn kiện rằng:

Cuộc vui văn-lự, cần chi hòn đất vạc di thư?
Tiếng hão khôi nguyên, hà phải cửa trời buông rộng bạng?
Huống-chi, tranh-cạnh đời nay, sao người thế, sao ta còn mãi thế!
Vả lại, chơi-đùa chuyện ấy, cái thua không, cái được cũng là không.

Vậy sao phải thua tím ruột vận đương đen: thẹn đèn hồ lửa!
Phe được khoe đầu son điểm đỏ; cướp giải giật lèo.
Thế rồi kẻ hả-hê cười; được vang giữa chợ!
Người cay-cú bẩn: ngậm ớt trong mồm!
Đến nỗi mấy mươi đánh giá bức hoành, nỡ để vàng son in nét ngạo!
Kiện-tụng đưa vào cửa tỉnh, làm cho bút mực mắc oan lây!
Than ôi, thi-cử!
Ngán nỗi thần... thơ!

SONG-CÔI

Nước nào chẳng có mặt tốt mặt xấu. Cho nên kẻ thù vẫn hay mộ ta một nước chánh-trị xấu, yếu dần, phân chia bè đảng luân-lý suy-đồi. Đó là một mặt của nước Pháp về chánh trị dân cư. Chớ nước Pháp «thực» vẫn phô bầy một tinh-thần cương cường, một hoạt-động sáng tạo chẳng kém những thời-đại toàn-thịnh. Đó là nước Pháp vĩnh-viễn mà Thống-chế mới tháo bỏ cùm xích làm tê-liệt bấy lâu.

Thời-đàm

NHỮNG CUỘC THÁM HIỂM TRÊN THẾ-GIỚI

NHẬT-NHAM

SAU khi Thái-bình-dương nổi sóng, lần-lượt theo sức bành-trướng của ngọn lửa chiến-tranh, tôi đã từng hiến các bạn đọc những trang lịch-sử về các doi đất, các quần-đảo, các miền đại-dương đương ở trong vòng khói lửa.

Những trang lịch-sử ấy đều bắt đầu với cuộc thám-hiểm của các nhà hàng-hải Âu-châu đã tự hi-sinh ngày tháng, lênh-đênh trên mặt các đại-dương, để tìm đất mới, những mong liên-lạc năm châu.

Nay đã đến lúc tôi cần phải thuật qua những cuộc thám-hiểm, từ mấy trăm năm trở lại đây, đã ngầm hun ngọn lửa chiến-tranh hiện-thời ! Độc-giả có thể có ngay một quan-niệm : người xưa đã từng trải bao gian-hiểm mới khám-phá được thêm đất mới để liên-lạc các dân-tộc, đã vô-tình đưa loài người đến cuộc xô-xát trên trường tranh đấu.

Người Âu-châu ở trung-cổ thời-đại, ngoài xứ-sở mình ra, chỉ biết có các miền duyên-hải bể Địa-trung, tóm lại chỉ biết có. 1·) Miền Trung và Nam Âu-châu, 2·) Địa-trung-hải và Bắc Phi ; 3·) miền Tây-Á.

Từ thời-đại ấy, nhờ có cuộc du-lịch của người Ả-rập tại trung-tâm châu Phi, nhờ có cuộc viễn-du của người Normands đến đảo Islande, Groëland, mà các dân-tộc biết thêm nhiều điều mới lạ về địa-du-học.

Thế-kỷ thứ 13. — Marco Polo người tỉnh Venise nước Ý, sau nhiều nỗi khó-khăn trên mặt bể, khám-pha được nước Trung-hoa, Ấn-độ, Đông-dương và cù-lao Sumatra. Năm 1295 Marco Polo trở về Âu-châu, tường-thuật cuộc hành-trình sang châu Á, giúp cho người phương Tây nhiều điều cần-thiết về các nước Viễn-Đông.

Thế kỷ thứ XIV. — Các nhà hàng-hải tỉnh Dieppe miền duyên-hải Manche nước Pháp, đã mạo-hiểm vượt biển tới thăm bờ bể phía tây châu Phi, rồi khám-phá được xứ Cap Vert và bờ bể Guinée,

Thế kỷ thứ XV. — Bắt đầu từ thế-kỷ thứ XV, mới có những cuộc thám-hiểm to-tát.

Cái nguyên-nhân chính đã tạo nên nhiều cuộc thám-hiểm, không phải là vì mục-đích khoa-học, mà vì ham lợi đi tìm những nguyên-liệu quý-giá như vàng, bạc, châu, ngọc, hồ-tiêu.

Thời ấy, dân Âu-châu tiêu-thụ rất nhiều hồ-tiêu, quế, ớt, gừng là những sản-vật châu Á, và họ gọi chung những miền sản-xuất các thứ ấy là Ấn-độ. Người Ả-rập buôn các sản-vật ấy, chuyển sang Âu-châu bằng một con đường duy-nhất qua Hồng-hải đến thương-cảng Alexandrie xứ Ai-cập. Hàng-hóa tới đó lại đưa sang các thương-thuyền rồi tải đến tỉnh Venise (Ý). Tỉnh Venise giữ độc-quyền trong việc tiêu-thụ các sản-vật châu Á, nên các thủy-thủ phương Tây ước ao tìm một con đường khác để tới các miền Ấn-độ là những kho vô-tận, những tài-nguyên cồn-cồn.

Nhờ có những sự phát-minh trong nghề hàng-hải, nên công cuộc thám-hiểm của họ được dễ-dàng.

Từ thế-kỷ thứ XIV, đã có địa-bàn để chỉ phương-hướng, nên các tầu bể có thể ra ngoài khơi không sợ lạc đường. Cũng thời ấy. hàng-hải-giới đã sản-xuất được một thứ thuyền buồm rất nhẹ, chạy rất nhanh trên mặt bể.

Cái thuyết quả đất tròn của người Hy-lạp được các nhà hiền-triết Ả-rạp thâu-nhập, rồi lan rộng sang Âu-châu giữa thế kỷ thứ XV. Người Hy-lạp công-nhận một đại-dương bao phủ châu Âu, châu Phi và châu Á. Như vậy nếu vòng quanh châu Phi, có thể tới các miền Ấn-độ được.

Cái ý kiến ấy đã tạo nên các cuộc thám hiểm đầu tiên của người Bồ-đào-nha.

Bắt đầu từ 1419, hàng năm, người Bồ-đào-nha tiến đến bờ bể châu Phi, theo miền duyên hải xuống phía Nam.

Lần-lượt đoàn thám hiểm tới Cap Bojador (1433), Cap Blanc và Cap Vert (1441), qua đường sích đạo năm 1471 và tìm được cửa sông Congo vào năm 1485.

Năm 1487, bão bể đưa đoàn thám-hiểm Barthélemy Diaz xuống nam, rồi đánh trôi sang Ấn-độ dương đến bờ biển Natal (châu Phi). Lúc trở về, Barthélémy Draz thấy mỏm đất châu Phi bèn đặt tên là Cáp des tempetes (mỏm đất bão), sau thay là Cap de Bonne Espérance (mỏm đất hi vọng tốt).

Năm 1498, Vasco de Gama kế tiếp con đường của Diaz đã qua, tiến lên phía bắc theo miền duyên hải Đông Phi, lới giang khẩu Zambèze, Mozambique, bờ bể Zanzibar. Rồi từ đấy, nhờ có hướng đạo Ả-rập, đi đến Calicut trên bờ bể xứ Ấn độ. Sau Vasco de Gama lập nền đô hộ Bồ-đào-nha tại Ấn độ.

Xem như thế thì sự tiến bộ trong các cuộc thám hiểm rất chậm và vất-vả. Từ lúc bắt đầu cho đến khi kết quả, mất 79 năm trường.

Đứng trước những hiểm-tượng của đại-dương, các thủy-thủ vẫn lo-sợ : Những phiến đá nam-châm ở dưới đáy bể sẽ hút thuyền làm cho chìm-đắm ; giữa đường sích-đạo, có một làn nước sôi !...

Những nỗi ưu-tư càng tăng gấp bội một khi tới mỏm Bonne Espérance là miền bể có những sóng to mạnh, dâng cao tới 15 thước tây. Thủy-thủ của Barthélemy Diaz khi trở về thuật những cái lo-sợ ấy, nên đến khi Vasco de Gama khởi hành, không mấy người dám đi, thậm chí phải hứa tha chết cho 10 tù-phạm bị án tử-hình, mới sung được đủ vào đoàn thủy-thủ ! Tuy vậy cả đoàn cũng chỉ có 160 người mà thôi !

Trong khi người Bồ-đào-nha tìm đường sang Ấn-độ theo phía nam, thì Christophe Colomb tiến sang phía tây, rồi phát-kiến được một tân-thế-giới : Mỹ-châu !

Christophe Colomb (người Tàu dịch là Kha-luân-bố) sinh năm 1451 tại Gênes (Ý-đại-lợi), xuất-thân làm thợ dệt vải, sau sung làm thủy-thủ, di-cư sang tỉnh Lisbonne (Bồ-đào-nha), theo học ban địa-dư và thiên-văn. Trong thời-kỳ lưu-trú tại Bồ-đào-nha, Christophe Colomb đã có định-kiến là : « tìm Đông phương bằng Tây-phương và qua con đường Tây-đạo để tới đất sản-xuất các thứ hương-liệu. »

Định-kiến ấy không được vua Bồ-đào-nha ủng-hộ, nên Colomb phải tới yết-kiến các vị quốc-vương Tây-ban-nha Ferdinand và Isabelle để tâu bày mọi nhẽ. Sau bảy năm vận-động, Colomb ký hợp-ước với nữ-hoàng Isabelle. Nữ-hoàng công-nhận cho Colomb làm Phó-vương các quần-đảo sẽ khám-phá được, được giữ độc-quyền thương-mại, vân vân... Nữ-hoàng cấp cho Colomb đủ số hải-thuyền và trợ-cấp cho 35 vạn quan tiền. Ngoài ra, một nhà hàng-hải ở Palos là Martin Pinzon giúp cho 70 vạn quan tiền'

Ngày 3 Août 1402, Christophe Colomb khởi-hành từ Palos với 3 chiếc hải-thuyền và 120 thủy-thủ.

Sau khi dừng chân tại quần-đảo Canaries trong Đại-tây-dương, ngày 9 septembre 1402, đoàn thám-hiểm lại bắt đầu đi về phía tây. Trong 33 ngày lênh-đênh trên mặt bể, Colomb phải vất-vả mới an-ủi được thủy-thủ khỏi lo sợ sóng gió đại-dương.

Thứ tư 10 Octobre 1402, thủy-thủ công-bố không muốn đi xa hơn nữa.

Nhưng cách hai hôm sau, hải-thuyền tới một cái cù-lao gần Bắc-Mỹ ngay lối vào eo đất Floride, Colomb đặt tên cù lao là San Salvador (Saint Sauveur : Cứu-tinh). Yên trí hải-đảo San Salvador ở trong phạm-vi các miền Ấn-độ, Colomb không nề khó-nhọc, trong ba tháng, cố công đi tìm đất Ấn-độ, rồi tới hải-đảo Cuba và Saint Domingue. Sau vì đâm một chiếc hải-thuyền và thủy-thủ chừng như mỏi mệt, nên Christophe Colomb lên đường trở về Tây-ban-nha mang tin « báo-tiệp ».

Ngày 15 Mars 1493, bảy tháng sau lúc ra đi, Christophe Colomb về tới Palos, được nhiệt-liệt hoan-nghênh.

Về sau, Christophe Colomb lại đi thám-hiểm ba lần nữa vào những năm 1493-1498-1502, khám-phá được quần-đảo Antilles và năm 1498, đã tới lục-địa ngay bờ bể phía bắc Nam-Mỹ.

Năm 1506, Christophe Colomb mất, vẫn ôm một sự tin-tưởng là đã đạt mục-đích, đã tới được châu Á và khám phá được các hải-đảo gần Ấn-độ. Vì vậy thổ-dân châu Mỹ từ đó vẫn gọi là dân Ấn-độ mà cho tới ngày nay, tên ấy vẫn còn thông-dụng.

Thế-kỷ thứ 16. — Năm 1513, người Tây-ban-nha Nunès Balboa tới eo đất Panama (nối Bắc-Mỹ với Nam-Mỹ), vượt qua dãy núi, khám-phá được một đại-dương không bờ, không bến : ấy là Thái-bình-dương.

Đến lượt Magellan (1519-1522) đi tìm các xứ hương-liệu. Theo gọc bờ bể Nam-Mỹ, Magellan tìm được một eo đất mệnh-danh là eo đất Magellan dài 600 cây số. Vượt qua đại-dương về phía tây được bình-yên vô-sự, nhân đặt tên là Thái-bình-dương Rồi trong khi lưu-trú trên quần-đảo Phi-luật-tân, Magellan không may bị thổ-dân ám-sát. Nhờ một thủ-hạ có dũng-lược Del Cano nên cuộc hành-trình quanh thế-giới không đến nỗi phải gián đoạn. Del Cano qua mỏm đất Bonne Espérance trở về Âu châu, cùng với các bạn đồng hành.

Lúc khởi hành từ Tây-ban-nha có tất cả 5 hải thuyền và 239 thủy-thủ. Khi về chỉ còn một chiếc thuyền La Victoire và 21 người. Khi qua quần

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được :

10) *Souvenirs sur le Maréchal* của Jacques Duval do phủ Toàn-quyền xuất-bản.

20) *Nước Pháp mới* của Trúc-Đỉnh do nhà Mai-Lĩnh in. Trong sách, tác giả đã nói về chanh-thể của « Nước Pháp Mới » theo nguyên-tắc Quốc-gia cách-mệnh cùng những công cuộc phục-hưng để đi đến một Đông-Dương mới. (Sẽ có bài nói kỹ hơn)

30) *Lên tám* của Tản-Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Sách thơ quốc-ngữ cân nam chữ cho giai, gái tam tuổi học. Mai-Lĩnh xuất-bản. Giá 0p20.

40) *Mấy thầy tu huyền-bí ở Tây-Tạng và Mông-cổ* của Đoàn-trung Còn do Phật-học-tùng-thơ Saigon xuất-bản, trong sách, tác-giả đã biên ra các lối tu-hành về mật-tông của các sư nơi miền núi cao, đồng vắng.

Trọn bộ chia làm ba phần, giá 1p10.

Xin cám-ơn các nhà xuất-bản, các tác giả và vui lòng giới-thiệu với các bạn đọc Tri-Tân.

đảo Moluques, thuyền ghé bến mua hương liệu đem về nước bán : Tiền lãi đủ chi các khoản phí về một cuộc du-lịch quanh hoàn-cầu lần thứ nhất trong lịch-sử nhân-loại.

Jean Cabot, người tỉnh Venise, theo đường phía tây, đi tìm xứ Tân Ấn-độ, kham phá được quần đảo Terre Neuve.

Một người Pháp Jacques Cartier đi ngược theo ngọn sông Saint Laurent ở Bắc-Mỹ (1535) và cắm một chiếc thập-tự giá quan hoa trên bờ sông để ghi nhớ cuộc viễn du.

Máy người Anh Davis, Hudson và Baffin tham-hiểm Bắc-băng-Dương.

Thế-kỷ thứ 17. — Năm 1628, người Hà-lan tìm được Úc-đại-lợi : Abel Tasman đổ chân lên một hải-đảo, do đó đảo này lấy tên là đảo Tasmanie. Lần-lượt Albel Tasman lại khám phá được thêm hai đảo Nouvelle Zélande và Nouvelle Guinée.

Năm 1670 người Pháp Cavelier de La Salle theo dọc sông Mississipi qua xứ Louisane (Bắc Mỹ)

Thế-kỷ thứ 18. — Thế-kỷ thứ 18 thuộc về hai nhà hàng-hải Pháp Bougainville và La Pérouse đã thám-hiểm trong Thái-bình dương ! Bougainville tìm được quần đảo Tahiti ; La Pérouse theo bờ bể đông bắc châu Á và miền duyên hải tây bắc châu Mỹ, tới Vanikoro (Úc châu) thì bị ám sát cùng với thủy thủ (1788)

Cũng trong thời kỳ ấy, đại úy Cook tìm được quần đảo Nouvelle Calédonie và Hawai.

Cận kim thời đại. — Thế kỷ thứ 19, số cuộc tham hiểm càng tăng lên nhiều, lấy miền băng-dương làm đích.

Parry và John Franklin (người Anh) tìm được đất miền Bắc-băng-dương đất miền Nam-băng-dương đã được in vết chân Dumont d'Urville và James Ross.

Năm 1909 Peary tới hẳn cực bắc địa cầu và năm 1911, Amundsen đến cực nam địa cầu.

Năm 1891 Nansen tìm được miền Groeland.

Đến lượt châu Phi được chú ý năm 1828, người Pháp René Caillie qua sa mạc Sahara, đến thăm tỉnh Tombouctou.

Tất cả miền nam châu Phi được Livingstone đưa ra ánh sáng ; Livingstone đi ngược dòng sông Zambèze khám phá được nhiều hồ châu Phi.

Hai người Anh tìm được nơi phát nguyên của sông Nil : Speke và Grant

Dưới đây là những đoàn tham-hiểm đã có công khám phá được những các thuộc địa Pháp tại Phi châu :

1° *Xứ Congo và Oubangui* : Du Chaillu, Marche, de Compiègne, de Brazza, Crampel, Mizon, Liotard, Marchaud, Roulet, Clozel, Gentil, Lenfant, Bretonnet vân vân.

2° *Miền nam xứ Algérie, Mauritanie và sa mạc Sahara :* Duveyrier, Soublet, Largeau, Flatters, Méry, d'Attanoux, Foureau, Lamy, Flamand, Gourand, Roulet.

3 *Xứ Senegal và Soudan.*

a) *Senégal và Haut Niger* : Galliéni, Borgnis Desbordes, Archinard, Bonnier

b) *Bac Niger* : Binger, Monteil

c) *Lưu vực sông Niger* : Tontée, Hourst

d) *Xứ Maure* : Douls, Blanchet, Fabert

e) *Từ Niger đến hồ Tchad* : Monteil, Foureau, Lamy.

4° *Xứ Guinée* : Olivier de Sandervai, Gaboriaud, J. Bayol, Madrolle, Paroisse.

5 *Xứ Cote d'ivoire* : Binger, Braulot, Marchaud Monteil, Blondiaux, Clozel, Gourand.

6° *Xứ Dahomey* : Ballot Decœur, Baud, Vermeersch.

Trên tôi vừa lược sơ những cuộc thám-hiểm đã mở đường giao-thông giữa các dân-tộc trên thế-giới.

Những cuộc thám-hiểm ấy rất có ảnh-hưởng đến cuộc tiến-hóa của thế-giới về các phương-diện kinh-tế, chính-trị, khoa-học, tôn-giáo.

Sau khi đã khám-phá được thêm nhiều đường hải-đạo, những đường thông-thương vẫn có từ xưa bên nhường chỗ cho các đường giao-thông mới tìm được tiện-lợi và quan-trọng hơn ; từ đó hàng-hóa xưa kia vẫn chuyển qua xứ Ai-cập đều vận-tải qua mỏm Bonne Espérance miền nam châu Phi.

Từ nghìn xưa, Địa-trung-hải vẫn là trung-tâm của sự giao dịch, thế mà theo sau các cuộc thám hiểm, cũng mất hết quan trọng, để nâng cao địa vị cho các đại-dương.

Alexandries, Gênes, Venise, Marseille cũng không còn là những thương cảng buôn bán sầm uất như xưa ! Trong khi ấy các thương-khẩu Bồ-đào-nha, Tây ban nha, Pháp, Hà-lan ở trên Đại tây dương và sau cùng các hải khẩu Anh-cát lợi, đều dần dần trở nên phồn thịnh.

Nhưng sau khi khơi kênh đào Suez, rút ngắn đường giao thông Ấn độ dương với Địa trung hải, sự mậu dịch trên bể Địa trung và trong các thương-khẩu miền duyên hải lại phồn thịnh như xưa.

Vì kênh đào Suez có quan hệ mật thiết đến sự giao thông lại do người Anh nắm quyền kiểm soát, nên trong cuộc chiến tranh hiện thời, các nước phe Trục đương sửa soạn cuộc tấn công vào con đường huyết mạch của bên địch.

Kỳ sau sẽ xin nói đến *công dụng kênh đào Suez* : một công trình vĩ đại của nhân loại đã thắng những trở lực lớn lao của tạo hóa.

NHẬT NHAM

ĐÔNG-TÂY THƯ QUÁN
195, phố hàng Bông Hanoi

Đã có bán

Mẹo chữ Hán

một cuốn sách mà ai ai dù đương học chữ Hán hay đã biết thông chữ Hán cũng đều phải xem

Giá 0$35 cước 0$06

Gửi bằng tem (có) cũng được. không gửi lối lĩnh hóa giao ngân

Con bà ho

Nhất là HO GÀ

Thuốc ho gia đình

Tổng phát hành

Nhà thuốc Tuệ-Tĩnh

53, rue Auvergne VINH

Sử học luận đàn

GIAO-CHỈ

XƯA, người Trung-hoa gọi nước Việt-Nam ta là đất *Giao-Chỉ*, người Việt-nam ta là người *Giao-Chỉ*.

Tới nay, một số người Nam ta vẫn còn tin rằng : *Giao-chỉ* 交趾 nghĩa là ngón chân cái khoảnh ra ngoài và đối với nhau, vì người Việt-nam ta xưa ngón chân cái đều khoảnh ra giao với nhau như vậy, nên người Tàu mới gọi là *Giao-chỉ*.

Thật ra, không phải thế.

Chính sử sách của Trung-hoa giảng nghĩa mỗi nơi một khác, và cũng chưa biết thuyết nào đúng hơn.

Kinh *Lễ* thiên *Vương-chế* nói rằng : « *Nam-phương viết Man, điêu đầu, giao chỉ, hữu bất hỏa thực lữ*», *nghĩa là « Phương Nam là Mán, trổ vẽ vào mặt, khoanh chân vào nhau, có chỗ ăn toàn thức ăn sống vậy.*

Người Trung-hoa giải nghĩa hai chữ *giao-chỉ* trong kinh Lễ như sau này : « *Chỉ là chân. Người Mán khi nằm thì quay đầu ra phía ngoài, chân để phía trong và khoanh vào nhau, nên gọi là Giao-chỉ.* »

Sách *Hậu Hán-thư* chép truyện *Nam-Man* viết *Giao-chỉ* ra là 交阯 và giải nghĩa rằng : « *Kỳ tục nam-nữ đồng xuyên nhi dục, cố viết giao-chỉ* » nghĩa là : « *Tục họ trai gái tắm chung một giòng nước, nên gọi là Giao-chỉ* (nghĩa là họp chung ở một dòng nước, *chỉ* 阯 cũng nghĩ như *chỉ* là giòng nước).

Đời vua Đường Nghiêm, hai chữ *Giao-chỉ* trở gồm miền đất-đãi ở phía nam dãy Ngũ-Lĩnh (năm ngọn núi).

Mãi đến đời Hán, đặt ra quận *Giao-chỉ*, từ bấy giờ *Giao-chỉ* mới thành tên trỏ riêng bắc-bộ nước Việt-nam ta.

Sách *Thông-điển* thiên *Châu-quận-điển* chép rằng : « *An-nam-phủ đời Tần thuộc vào Tượng-quận (7) ; đời Hán là hai quận Giao-chỉ, Nhật-nam*». (Quận *Giao-chỉ* đời Hán khác với đất Giao-chỉ đời Đường Nghiêu).

Nghĩa hai chữ *Giao-chỉ*, xưa người Trung-hoa (2) cũng nhiều người giảng là chân đi khoảnh đối với nhau như một số người Việt-nam ta ngày nay.

Nhưng theo sự kê-cứu và sự phán-đoán của nhiều nhà bác-học Trung-hoa hiện giờ, thì *Giao-chỉ* không có nghĩa như sử sách đã giải thích ở trên.

Thời cổ, người Hy-lạp đã biết là trọng thế-giới, có những giống người ở đối với nhau, tức là những dân *antipodes*, nghĩa là những dân đứng chân trên trái đất giao-đối với chân ta, dưới chân ta, ở bên kia địa-cầu, có chân dân đối trú vậy.

Các nhà bác-học Trung-hoa hiện giờ cho rằng xưa người Tàu cũng có cái quan-niệm về dân đối-trú như người cổ Hy-lạp, và gọi dân « *antipodes* » là *Giao-chỉ*, để phân biệt dân phương Nam với dân phương Bắc (là hai dân đối trú với nhau), chứ không phải là vì dân *Giao-chỉ* có chân khoảnh và giao với nhau.

LÊ VĂN HÒE

Việt-nam văn-học sử

Tiếp theo trang 10

Nằm trên chăn chiếu thái-bình, ăn kết quả thịnh-trị, người đời đó, lẽ tất nhiên khuynh-hướng theo cái tư-tưởng êm-đềm, trầm-tĩnh, điềm-đạm và ung-dung Cái cơ Phật-học phát-đạt chính là vì đó. Vả bấy giờ khoa cử chưa thịnh, Nho-giáo chưa thắng thế, nên luồng sóng Phật giáo lại càng mạnh-mẽ vô-cùng

Có tướng mạnh, có quân ròng nhờ võ lực mà chiến thắng các địch quốc, tinh-thần đời Lý thật có vẻ hăng-hái, quật-cường, cho nên văn-học bấy giờ cũng nhuộm cái màu sắc trầm-hùng, mạnh-mẽ.

Còn về quốc-văn, trừ những câu ca-dao mà người ta cho là ở đời Lý như :

« *Đem chuông đi đấm nước người :*
« *Chẳng kêu cũng đánh một hồi, lấy danh . . .* »

(Khen việc ông Lý Thường Kiệt đi đánh ba châu Khâm, Liêm, Ung nhà Tống)

« *Mở* mang *(loài hươu, hoẵng)*, mang *chạy lên rừng !*
« *Ta hay* mang *chạy, ta đừng mở* mang » ;

(Chê vua Lý Thái Tông không khéo xử việc Nùng Trí Cao, vì bắt được Trí Cao rồi nhưng lại thả ra, thành thử va lại khuấy rối trên mạn ngược), vân vân, ta không tìm thấy một nói nào là di tích quốc-văn đời Lý cả. Vậy có thể nói : Vì đời Lý còn mải nghiên-cứu về kinh, tạng, luật, luận nhà Phật, là những món cao thâm, huyền diệu, nên người ta chưa để ý đến quốc-văn.

1) Coi sách « Kiến-văn tiểu lục » của Lê-Quí Đôn

2) Coi bài văn bia chùa Triều-hoa làng Cổ-giao. *(Còn nữa)*

QUAN HỆ

Trước nhà báo gửi báo đi cho các độc-giả hay các đại-lý ở Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Ai-Lao, chỉ phải trả có 1 xu 10 tờ, Nam-kỳ và Cao-mên, thì phải trả 1 xu 5 tờ. Theo nghị-định số 3225 của quan Toàn-quyền ký ngày 13 Avril và đã thi hành từ ngày 16 Avril 1942 thì từ 1 xu 10 tờ lên 6 xu 10 tờ và 1 xu 5 tờ lên 6 xu 5 tờ. Vì tiền gửi báo mới tăng một cách bất thình lình ấy nên bản-chí bất đắc dĩ cũng phải yêu cầu :

1 Các độc-giả ở Bắc, Trung-kỳ và Ai-lao (trừ Hanoi) trả thêm cho về hạn mua báo 1 năm 0p.25
— — — 6 tháng 0p 13
— — — 3 tháng 0p.07

2 Các độc-giả ở Nam-kỳ và Cao-mên trả thêm cho về hạn mua báo 1 năm 0p 50
— — — 6 tháng 0p.25
— — — 3 tháng 0p 13

Các bạn đọc ai trả tiền rồi thì trả cho số tiền thêm ấy bằng tem thơ (cò). Còn ai chưa trả nhớ công thêm số tiền này với giá báo đã định in ở ngoài bìa Giá báo bán lẻ là 0p.16 một số.

Những ngày « lịch-sử » trong tháng Avril

I

1er Avril 1942, thứ tư. 16, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp thân, 1884, quân Pháp hạ thành Đáp cầu, Bắc kỳ.

2 Avril 1942, thứ năm, 17, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp tý, 1804, vua Gia-long đổi tên nước là Việt-nam.

3 Avril 1942, thứ sáu, 18, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm canh ngọ chúa Trịnh Kiềm mất. thọ 68 tuổi.

4 Avril 1942, thứ bảy, 19, tháng hai nhâm-ngọ

Ngày nay, năm giáp-tý, 1804, vua Càn-long bên Tàu hạ chỉ cho phép các quan tùng vong hộ tống vua Lê Chiêu-Thống về nước.

5. Avril 1942, chủ nhật, 20, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm canh thân, 1440, vua Lê-Thái-Tôn lập Nghi-Dân làm thái tử

6 Avril 1942, thứ hai, 21, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm tuất, 1862, Nguyễn Thịnh tức là Cai Vàng tế cờ ở Vân Sơn, ra quân chống với Triều đình.

7 Avril 1942, thứ ba, 22, tháng hai nhâm-ngọ

Ngày nay, năm nhâm tuất, 1862, quân Pháp hạ thành Vĩnh long, Nam kỳ.

8 Avril, 1942 thứ tư, 23 tháng hai nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính dần (1446) vua Lê-nhân Tôn sai hơn sáu vạn binh đi đánh nước Chiêm thành (nay vào khoảng tỉnh Quảng nam Qu i nhơn Bình định

nhâm ngọ

9 Avril 1942 thứ năm 24 tháng hai

Ngày nay, năm bính tuất (1886) quân Pháp tới đóng Lao kay (Bắc kỳ)

10 Avril 1642 thứ sáu 25 tháng hai nhâm ngọ

Ngày nay, năm mậu tý (1648) Thế tử Dũng, con trai chúa Nguyễn phúc-Lan, đại thắng quân chúa Trịnh.

11 Avril 1942 thứ bảy 26 tháng hai nhâm ngọ

Ngày nay, năm qui hợi (1863) hải quân Thiếu tướng Bonnard đến Huế triều yết vua Tự đức để dự lễ công nhận tờ hòa-ước ký ngày 5-6-1862.

12 Avril 1942 chủ nhật 27 tháng hai nhâm ngọ

Ngày nay, năm bính tuất, (1886) quan Toàn quyền Paul Berl đáp tàu « Haiphong » ở Saigon ra Bắc.

13 Avril 1942 thứ hai 28 tháng hai nhâm ngọ

Ngày nay, năm canh thìn 1400 Hồ quý Ly phế vua Thiếu Đế cướp ngôi nhà Trần.

14 avril 1942, thứ ba, 29, tháng hai, nhâm-ngọ

Ngày nay, năm qui dậu, 1933, khánh thành đường điện thoại Hà nội đến Huế. Một tuần lễ sau mới cho phép công-chúng dùng.

15 avril 1942, thứ tư, 1, tháng ba nhâm-ngọ

Ngày nay, năm kỷ mùi, 1919, thi Hội khoa cuối-cùng ở Huế.

ĐÔNG-DƯƠNG

Nam-kỳ và Huế đã được thắp đèn lại như thường.

Hiệu An-po và nhà Descours et Cabaud đều bị tòa Đại-hình đặc-biệt truy-tố về tội đầu cơ hàng-hóa.

Các nhà chuyên trách đương điều tra xem những lớp dạy tư nào nếu từ năm học trò trở lên mà không xin phép sẽ bị truy-tố theo pháp-luật.

Đến mồng mười tháng ba ta (24 avril) là ngày hội đền Hùng-vương, tức là ngày giỗ tổ của dân Việt nam ta.

QUỐC-TẾ

Quân Nhật đã chiếm đảo Billiton ở giữa Sumatra và Bornéo, và đã đổ bộ lên đảo từ 10 avril. Đảo này chu vi rộng 4600 cây số vuông và có 70.000 dân.

Hôm 14-4-42 quân Nhật đã chiếm bán đảo Ba'aan.

Anh bị mất thêm chiếc hàng-không mẫu-ham Hermes. Các chính-tổng Ấn đều bác bản dự-án của Anh. Sir Cripp đã dời Ấn về Luân-đôn.

Quân Anh ở Diến-điện vẫn phải lùi.

Hội đền Đa-hòa

(phủ Khoái Hưng-yên)

Đền Đa-hòa năm nay, từ ngày 12 tháng ba ta đến ngày 16 có đánh cờ người, có cuộc thi văn, đấu võ và đủ các trò vui khác, nhất là ngày bình văn phát thưởng, có hai đào danh-ca Hanoi về bình và phá giải cờ cùng tất cả mọi giải khác.

Kính mời thập phương qui khách về thăm một nơi thắng tích và chiêm bái một chỗ linh từ. Có đường ô-tô hoặc đi đường đê sông cái qua Văn-giang hoặc đi đường Haiphòng-Hanoi qua Bô-thời tới được tận đền và đường thủy từ mạn dưới lên mạn trên xuống đều có tầu ghé bến Mễ cách đền chỉ một cây số. Ban đêm có đèn điện thắp khắp cả xung quanh đền, có lính tráng phủ và tuần phu giữ trật tự rất nghiêm chỉnh. Thực là một dịp vừa đi lễ vừa đi chơi rất hứng thú vậy.

Hộp thư

Ô Thi-Nham — Đã nhận được bài, vạn tạ và xin lĩnh ý — T.Đ.

Ô-Bảo-Xuyên, Quảng-trị — Bài « Đ.T.B. của ông sẽ có một địa-vị trong một số đặc-san khác.

Giới thiệu sách mới

Phụ nữ với gia đình (1)

Của Dũng Kim.

Một tập cảo-luận nhỏ về một vấn đề rộng lớn : « phụ nữ với gia đình »

Trong hơn hai trăm trang giấy, tác giả đã nói qua nhưng rõ ràng về địa vị người con gái trong gia đình, từ nhỏ đến lúc già, qua thời kỳ một người vợ một người mẹ.

Những ý tưởng nhặt được trong sách phần nhiều có một đặc sắc thực dụng

Lời văn dản dị và sáng-sủa.

Có thể là một quyển sách có quyền chiếm một chỗ trong những tủ sách của gia đình

LÊ-THANH

Đời mới xuất bản giá 0p90

Phê-bình

Cuộc kỳ-ngộ Lankhai -- Zweig «Tội và thương» gặp «La peur»

KIỀU THANH-QUẾ

LANKHAI có lẽ mê Stefan Zweig lắm ! . . . Dịch văn Zweig đã không xong (xem lại bài phê bình « Bức thơ của người không quen ») (1), bây giờ Lankhai bắt sang mô-phỏng ý truyện của Zweig.

Quyển *Tội và thương* từ đầu đến cuối mô-phỏng y theo tiểu-thuyết *La peur* của Stefan Zweig. (Tác-phẩm này của Zweig nguyên bằng Đức văn, được Alzir Hella diễn Pháp văn và do Bernard Grasset, Paris xuất bản).

Viết *La peur*, Zweig phân-tách tâm-lý của một người đàn bà ngoại tình rất thấu đáo : Irène, trong một buổi dạ hội, biết một chàng nhạc-sĩ có « một bóng buồn thướt-tha trên gương mặt hơi quá đều-đặn một chút » (« une ombre de tristesse flottant sur son visage un peu trop régulier »). Nàng ngoại tình với chàng ta không phải vì nhục-dục. Nhưng bởi sống lâu trong ao tù trưởng-giả, nàng thấy chán. « Sự no chán còn làm khó chịu hơn sự đói khát, và sự yên anh, sự vắng bóng hiểm tượng trong cuộc đời nàng đánh thức ở Irène lòng ham thích việc tình-cờ » « La satiété irrite autant que la faim, et la sécurité, l'absence du danger dans sa vie éveillant chez Irène la curiosité de l'aventure »). Nàng gặp chàng nhạc-sĩ trong « thế giới trưởng giả của nàng », ngay giữa lúc nàng thấy chán phè với các ngón thù-phụng sắc đẹp mình của những kẻ thường gặp mình trên đường giao-tế. Nàng thấy cái « bóng buồn thướt tha trên gương mặt hơi quá đều-đặn một chút » của chàng nhạc sĩ ; nàng thình thích. Nàng khen một câu. Chàng ngẩng lên. Hai đôi mắt gặp nhau. Chàng và nàng yêu nhau từ đó, Irène lén-lút đi lại với tình-nhân, tại nhà chàng. Một hôm, ở nhà tình nhân ra về, nàng đụng phải một người đàn bà. Từ đó, người đàn bà ấy theo dõi nàng, luôn tìm cách xoay tiền nàng. — Một hôm đang ăn cơm với chồng tại nhà, bỗng có đứa ở mang vào cho nàng một bức thơ xin nàng 100 đồng couronnes. Nàng lật-đật đứng dậy về phòng riêng, mở tủ lấy tiền, rồi đích thân đem ra cổng cho người đàn bà bí mật đang chờ đợi. Trở vào phòng ăn, nàng nhận thấy rằng lúc nãy hấp tấp bỏ quên lại trên bàn bức thư tống tiền của người đàn bà bí-mật. Lo sợ, tay nàng run đến đổi nàng phải đặt xuống bàn cái ly nàng đang cầm trên tay. Trong lúc nàng đang cố giấu bức thơ, chồng nàng nhìn chằm chập vào nàng. Chưa bao giờ nàng thấy chồng nhìn mình ghê gớm thế. — Ngày hôm sau, Irène tiếp thêm được một miếng giấy nữa, đòi nàng 200 couronnes. Biết đâu rồi con đàn bà kia chẳng đòi nàng đến bốn trăm hay một ngàn ? Nàng lo sợ. Nhưng vẫn không khỏi ! Bốn hôm sau, con đàn bà lại đến, vào lúc chồng nàng là trạng sư Fritz đi làm việc. Nó đòi nàng bốn trăm nữa. Nàng than không có đủ số ấy. Thật vậy, nàng đã hết cả tiền. Con đàn bà vẫn không buông-tha. Nó xin chiếc cà-rá ngọc thạch nàng đeo nơi tay. Trời ơi ! nàng làm sao dám rời chiếc cà-rá ấy — một bửu vật ngày trước trạng-sư Fritz đi cưới nàng. Nàng do-dự. Nhưng nghe tiếng chồng đi làm về, sợ hãi nàng cởi chiếc cà-rá trao cho con đàn bà, hối nó đi khuất ngay. Khi vào phòng ăn, Irène có cảm giác như ai cũng nhìn vào tay mình và chỗ đeo chiếc cà-rá như bị khí nóng đốt. Nàng vừa ăn vừa cố giấu bàn tay thiếu chiếc cà-rá. Nhưng bỗng chồng nàng hỏi : « Tại sao hôm nay mình không có chiếc cà-rá của mình ? ». Luống cuống một lúc, sau cùng nàng cũng nói láo được : « — Tôi . . . tôi đã đem nó đi chùi ». Và nàng thêm : « Mai mốt, tôi sẽ đi lấy nó về ». Vô tình nàng tự gán cho mình một kỳ hạn. Mai mốt mà không có chiếc cà-rá thì chết ! Nàng lo sợ, nhứt định tự-tử. Trước khi chết, nàng đi dạo phố thử tìm gặp con đàn bà xoay tiền nàng. Một lần, nhìn sang đường bên kia, nàng nom thấy ai như chồng nàng. Nhưng bóng người ấy rồi khuất dạng ngay. Vô tình nàng trở tới trước nhà chàng nhạc sĩ. Nàng nhớ có một lần con đàn bà bí-mật bảo nàng nó là nhân-ngãi của chàng nhạc-sĩ. Nàng đi tìm chàng nhạc-sĩ, nhờ chàng ta dẫn mình lại nhà con đàn bà bí-mật chuộc lại chiếc cà-rá. Nghe nàng nói, chàng nhạc-sĩ không hiểu gì cả. Thấy chàng mặc đồ ngủ và trong buồng có bóng đàn bà, Irène nghi có con đàn bà bí-mật trong đó, sấn đại vào. Ra không phải ! Chỉ là một mỹ-nhân khác. Irène ra khỏi nhà nhạc sĩ, đi lang thang, rồi vào một hiệu thuốc tây, đưa toa đã xin của bác-sĩ cho người bào-chế-sư mua một chai thuốc ngủ. Nàng vừa chi tiền trả, chồng nàng ở đâu trở đến giựt chai thuốc. Vợ chồng về nhà. Chồng nàng tha thứ cho nàng và thuật lại mưu chước của mình cho nàng nghe : Fritz biết vợ ngoại tình, mướn người đàn bà kia hành động theo phương lược mình.

1) Đã đăng ở Đông Á tạp chí

để kéo vợ trở về với chồng con. Irène nghe chồng thuật chuyện, ngủ quên lúc nào không hay. Sáng hôm sau, thức dậy, rờ tay mình, nàng thấy có chiếc cá-rà đã cồi cho con đàn bà bí-mật.

Viết *Tội và thương*, Lankhai đổi Irène lại là Liên, Fritz là Trọng, chàng nhạc-sĩ Edouard là Đàm. Còn con đàn-bà bí-mật, Lankhai vẫn không cho tên như Zweig. Cốt truyện Zweig thế nào, cốt truyện Lankhai thế nấy! nhân-vật của Zweig hành-động, ăn nói thế nào, nhân-vật của Lankhai hành động, ăn nói cũng y như vậy. Một tiểu-tiết, mốt quấn-thoại nhỏ của Zweig, Lankhai cũng không bỏ sót. Phỏng ý, phỏng văn, Lankhai nhứt nhứt theo đúng Zweig. Thế mà Lankhai không tuyên bố một lời rằng phỏng hay dịch chi chi.... Lankhai cứ mần thinh, để độc-giả tưởng mình sáng-tác. Tội Lankhai thật tày trời. Tội ấy nên mạng danh là gì, chúng tôi xin nhường quyền lại cho độc-giả. Bây giờ, chúng tôi xin chép hiến dâng độc-giả bốn nam trang đầu *La peur* với bốn nam trang đầu *Tội và thương*, để độc-giả đe bề đối chiếu mà xét xử cái tội của tác-giả « Tội và thương » và coi tội ấy có đáng thương mà tha-thứ hay không!

« Khi, từ gian phòng trọ của tình-nhân nàng bước ra, Liên bắt đầu xuống thang gác thì một sợ-hãi đột-ngột và vô cơ lại chiếm-đoạt lấy nàng.

« Một chấm đen cứ quay tít trước mắt nàng... « đầu gối nàng như hệt hẳn ; và nàng bắt buộc phải níu lấy tay vịn cầu thang để khỏi thình lình ngã lao đầu xuống trước ».

(« Lorque Irène, sortant de l'appartement de son amant, descendit l'escalier, de nouveau une peur subite et irraisonnée s'empara d'elle. Une touple noire tournoya devant ses yeux, ses genoux s'ankylosèrent et elle fut obligee de vite se cramponner à la rampe pour ne pas tomber brusquement la tête en avant »).

« Lần đến thăm nguy hiểm này chẳng phải lần thứ nhất. Và cái run sợ kia, nàng chẳng phải là chưa đã từng qua.

« Có điều, cứ từ lúc ra về, mặc dầu sự gắng gượng trong lòng nàng, Liên vẫn bị những hoảng hốt nực cười và xuẩn ngốc kia làm cho quỵ liệt ».

(« Ce n'était pas la première fois qu'elle faisait cette dangereuse visite et ce frisson soudain ne lui était pas inconnu ; toujours, en repartant, malgré sa résistance intérieuse, elle succombait sans raison à ces accès de peur ridicule et insensée »).

« . Khi Liên đã sẵn sàng ra đi, hai bàn tay nàng bắt đầu run lẩy bẩy.

« Đi ! Tất cả trong người Liên chỉ còn muốn có đi, rời khỏi căn phòng này, cái nhà này, ra thoát ngay ngoài cuộc phiêu lưu này để trở lại cái thế giới trưởng giả, yên tĩnh của nàng.

« Bây giờ mới đến câu vỗ về sau trót nó chẳng yên được lòng nàng, và Liên trong cơn thảng thốt cũng chẳng kịp để tai nghe nữa.

« Sau cùng là cái phút mà Liên lắng tai nghe sau cánh cửa để xem có ai lên hoặc xuống cầu thang chăng.

« Bên ngoài, cái hãi hùng đã đợi nàng.

« Nó đợi chờ nàng, và nóng ruột muốn chiếm đoạt lấy nàng và bóp mạnh tim nàng đến nỗi ngay từ những bực thang trên cùng Liên đã thấy đuối thở ».

(« ... Quand elle était prête à s'en aller ses mains tremblaient de nervosité, elle n'ecoutait plusque distraitement ce qu'il lui disait et repoussait nativement ses effusions. Partir, tout en elle ne voulait plus que partir, quitter cet appartenant, cette maison, sortir de cette aventure pour rentrer dans son paisible monde bourgeois. Puis venaient les ultimes paroles qui cherchaient en vain à la calmer, et que, dans son agitation, elle n'entendait plus. Et c'était enfin cette seconde ou elle ecoutait derriere la porte, pour savoir si personne ne montait ou ne descendait l'escalier. Dehors l'attendait deja la peur, impatiente de l'empoigner et qui lui comprimait si imperieusement le coeur que des les premières marches elle etait essoufflee »).

« Liên đứng nhắm mắt lại như thế trong một phút...

Nàng thở say sưa cái mát rợi của hoàng hôn nó phẳng phất ở cầu thang.

Bỗng, trên tầng thượng, cánh cửa phòng ai sập đánh ầm một tiếng.

Liên choáng hồn, nàng bước xuống như một cái máy, tay run run kéo cái khăn choàng xuống mặt.

Bấy giờ, lại còn một cái sợ nữa : đi từ một nhà lạ ra tới đường.

Liên cúi đầu như một tay thể thao lấy đà để nhảy và thình lình đâm bổ ra cổng sắt hé mở. »

« Elle resta ainsi les yeux fermés pendant une minute, respirant avidement la fraîcheur crepusculaire qui flottait dans l'escalier. Soudain, à un étage superieur, une porte claqua ; effrayée, elle se ressaisit et descendit vivement, tout en ramenant contre son visage d'un geste machinal l'épaisse voilette qui le couvrait. Maintenant il y avait encore un moment terrible, il s'agissait de sortir d'une demeure étrangère et de gagner la rue ; elle baissa la tête comme un sportsman qui prend son élan pour sauter et fonca subitement vers la porte cochère entr ouverte. »)

« Liên va phải một người vừa hay muốn đi vào.

Nàng luống cuống miệng nói xin lỗi mà chân vẫn lăm le bước ra. Nhưng, người lạ đã lấy cả bề ngang mình chắn lấy cổng và trắng trợn nhìn Liên, vẻ giận dữ và khinh bỉ, đoạn nói toang toang lên, không chút kiêng nể nào hết :

— Có thế chứ ! Trăm bó đuốc cũng vơ được con ếch ! Ối chào ! Có chồng rồi, còn quyến rũ bạn yêu của mọi gái giang hồ...

— Trời ơi, cô... nhầm rồi !

Liên vừa lúng bung vừa chịu gỡ thân, nhưng chị chàng to lớn đã lấp mất cả lối đi và kêu chu chéo :

— Nhầm, người ta cứ nhầm như chị tưởng thế thì vừa !... Đây đã nhận cái mặt ấy rồi... Rõ ràng chị vừa ở nhà anh Đàm ra mà lại. Anh Đàm, anh ấy là bạn tôi. Tôi vơ được chị lần này, tôi mới vỡ lẽ tại sao ít lâu nay anh ấy cứ lần mặt tôi như rắn mông năm.

Giọng đuối như một hơi thở. Liên ngát :

— Tôi xin cô đi, làm gì mà bù lu bù loa lên thế.

Liên bắt giác thụt vào « trong cổng ».

« Elle heurta une femme qui semblait justement vouloir entrer. « Pardon » fit-elle, troublée en même temps qu'elle s'efforçait de passer. Mais la personne lui barre la porte de toute sa largeur et la dévisageant avec colère et mépris s'écria d'une voix dure et sans retenue :

— Je vous y attrape enfin. Bien entendu, c'est une bonnête femme une soi-disant bonnête femme ! Elle n'a pas assez de son mari, de son argent et de tout ce qu'elle a. Il faut encore qu'elle débauche l'ami d'une pauvre fille...

— Pour l'amour de Dieu . . . Qu'avez-vous ? . . . Vous vous trompez ! . . . balbutia Irène tout en tentant avec maladresse de s'échapper ; mais de son corps massif la fille bouche de plus belle l'entrée et cria d'une voix perçante :

— Non je ne me trompe pas .. Je vous connais... Vous venez de chez Edouard, mon ami... Maintenant que je vous y ai prise je sais pourquoi il a si peu de temps à me consacrer ces derniers jours... C'est à cause de vous... Espèce de...

— Pour l'amour de Dieu interrompit Irène d'une voix blancher, ne criez pas comme celà, et involontairement elle recula sous le portail. »

« Chị chàng lạ mặt nhìn Liên vênh vào.

Càng thấy vẻ sợ hãi luống cuống và nỗi túng bí của Liên, chị chàng này như khoái-chí. Chỉ ta nhìn kỹ Liên với một nụ cười rẽu cợt, ngụ ý vô cùng thỏa mãn. Giọng nói của chị ta trở nên sởi lởi, gần như vui đùa :

— *Cái chi này mới hay chứ !... Chị muốn gì nào ? Tôi có quen biết chị bao giờ — Tôi còn có việc của tôi, không rỗi hơi mà lối thôi với chị được.* »

Đọc đoạn này, ta thấy Lankhai bảo chị đàn bà nói, mà lời nói lại là của Liên (!) Có lẽ lúc viết đoạn này, Lankhai buồn ngủ (!). Zweig không dám khinh thường độc-giả như Lankhai :

« La femme la regarda, goguenarde : cette peur qui la faisait vaciller, cette détresse manifeste semblaient l'amuser et elle se mit à examiner sa victime avec un sourire railleur empreint de satisfaction. Sa voix, s'épanouit devint presque joviale.

— Voilà donc comme elles sont les femme mariées, les belles dames distinguées, quand elles nous volent nos hommes (!) Elles portent une voilette, une épaisse voilette pour pouvoir, après, jouer partout à l'honnête femme...

— *Quoi ? Que me voulez-vous ?... Je ne vous connais pas... Il faut que je m'en aille ..* »

Lời nói sau cùng này mới chính là của Irène hay của Liên, mà Lankhai phỏng theo viết trên kia.

Lankhai khinh thường độc-giả đến như thế là cùng !

Tưởng chúng tôi có chép hết quyển sách ông đem đối chiếu với tác phẩm Zweig, cũng không gây hứng thú gì thêm cho độc-giả được. Hoa chăng chỉ làm độc giả thêm bực-tức thôi !

KIỀU THANH-QUẾ

Kỳ sau :

Tri Tân sẽ tuyên bố kết quả cuộc thi lịch-sử, do bản chí tổ chức. Xin các bạn dự thi đón coi. T. T.

VIÊT-NAM DƯỢC-HỌC

In làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng ;

Loại giấy thường bán từ : 10p.00 trở lên

Loại giấy đặc biệt bán từ : 30p.00 trở lên

thêm 2p.00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phai tra.

Loại giấy thường 7p.0 } tiền cước gửi
Loại đặc biệt 12p.0o }

Ngài nào mua trả tien trước tróng tháng Février 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92
Loại đặc biệt 12p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi,

Loại giấy thường 1p.00 } cả tiền cước
Loại đặc biệt 3p.00 }

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho :

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

là nhà đã nhận xuất-bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1) Lý triều văn học
2) Trần triều văn học I
3) Trần triều văn học II
4) Lê triều văn học I
5) Lê triều văn học II
6) Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.

Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên
Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:

Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00 }

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả :

Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15p. 00 }

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi :

Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p 00 }

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi xuất bản

Truyện vua Đinh Tiên-Hoàng

(Tiếp theo trang 7)

pndant, dynasties Đinh et Lê (antérieurs), 968 à 1010 de notre ère, đăng trong *Bulletin de géographie his orique et descriptive*, năm 1893, trang 38-174, nói rằng Bố-hải là làng Kỳ-bố, huyện Vũ-tiên phủ Kiến-xương, tỉnh Nam-định (nay thuộc tổng Lac-đạo, huyện Vũ-tiên, tỉnh Thái-bình). Đời nhà Đinh, Bố-hải ở ngay trên bờ bể, nay thì cách bể đến 30 cây số, thành ra ở chỗ ấy, tính từ thế-kỷ thứ mười đến bây giờ, mỗi năm bồi thêm được chừng 30 thước tây.

7) *An-nam chí nguyên* chép Đinh-công-Trứ « làm nha-tướng cho Dương-đình-Nghệ; cuối đời ngũ-đại, Đinh-Nghệ giữ Giao-châu, cho Công-Trứ quyền nhiếp Hoan-châu. Từ khi Ngô-Quyền (939 944) giết được Kiều-công-Tiễn, thì cha con Bộ-Lĩnh về với nhà Ngô, nhân thế Ngô-Quyền cho Công-Trứ hoàn chức cũ » (*Ngan-nan tche yuan*, trang 182-183). Quyển *Ninh-bình sử-tích* (sách viết bằng chữ Hán của Trường Bác-Cổ, số A 1406, tờ 38 b) chép rằng trong *Trường-yên sử-lục*, dưới tên ông Đinh-công-Trứ, có đề sáu chữ « trấn Hoan nự Phiên minh-đức ».

8) Nguyễn-Bặc, Trịnh-Tú, Lưu-Cơ, Đinh-Điền, đều là người ở Hoa-lư, châu Đại-hoàng, cùng tuổi với Đinh-Bộ-Lĩnh. Đinh-Điền theo Đinh-bộ-Lĩnh đi dẹp mười-hai sứ-quân, được phong làm ngoại-giáp-công, cùng với Nguyễn-Bặc khởi binh đánh Lê-Hoàn (980-1005), không được, bị chết. Nhà Lí (1009-1225). phong làm phúc-thần, dân nhiều chỗ thờ Lưu-Cơ làm quan đến đô-hộ-phủ sĩ-sư (sĩ-sư là tên quan bắt-chước chức bình-quan của đời Đường, Ngu, xem *Việt-sử cương-mục*, chính-biên, quyển 1, tờ 4 b) Trịnh-Tú khi Thiếu-đế (Đinh-Toàn, 979 980) lên ngôi, có sang nhà Tống cầu phong (chép theo quyển *Ninh-bình sự-tích*, sách viết bằng chữ nho của Trường Bác-Cổ, số A 1406, tờ 39 a-b, và quyển *Ninh-bình tỉnh chí*, sách viết của Bác-Cổ, số A 1268, tờ 48 b-49 a).

Bia đền vua Đinh

Tiếp theo trang 8

Lớn-lao thay Thánh-thiên-tử bản-triều, đức ngang thượng-thánh, vận mở trung-hưng, ở ngôi tôn chính giữa, lấy hiếu trị thiên-hạ, thực nhờ có đức Đô-nguyên-súy tổng quốc-chính thượng-phụ An-bình-vương, cùng lòng giúp sức, dựng lại nhà vua, quét sạch cõi bờ, khôi phục kinh thành. Cho được làm điều hiếu lớn, nhớ đến bậc tiền-thánh triều trước, có những đức lớn công to, cấp thêm 7 mẫu ruộng phụng sự. Cái thâm ý « hưng kế » rất là đầy-đủ. Phương chi lại có người giúp-đỡ là quan Đề-đốc hiệu lực Tả vệ quân-vụ Lễ-quận-công Bùi-thời-Trung: ngợi khen công-nghiệp đức tiên-đế, đem dân bản-bộ, sửa lại đền thờ, rất là kính cẩn.

Niên-hiệu Hoằng-định thứ 7 (1606) quan Phụng mệnh-tế-tự là Tổng-thái-giám chưởng-quản cung-môn khai-thừa-chế Văn-lý-hầu Trần-Đoan bẩm xin chuẩn cho xã Trường-yên-thượng được cắt lượt người làng làm sải-phu, để tiện quét tước phụng sự hương hỏa và được miễn trừ xưu-sai tập-dịch cho những người ấy mỗi khi có lệnh phải cung cấp. Đủ biết ông-đức của đức Chúa-thượng thịnh đẹp lắm thay!

Thế mới biết cứ mỗi một đời nổi lên, thì những lăng-tẩm tôn-miếu của triều trước càng nên sửa sang xây dựng để báo-đáp lại, ý nghĩa của cổ nhân cũng rất sâu xa! Hiện nay việc gia phong tự-điển đã cử-hành rồi, ruộng tế-tự cũng đã cấp thêm, đủ biết những bậc đế-vương đời trước có công đức với dân, báo đáp như thế rất là hậu vậy. Há những báo ơn một đời nhà Đinh, mà còn khơi cái mạch nhân-hậu ức muôn năm, để giúp cho triều Lê dựng nước bền ngôi ức muôn năm, phù hộ cho lê-dân triều thứ yên ổn ức muôn năm, công đức so với trời đất trước sau lưu truyền mãi vô cùng vậy.

Hoàng triều năm thứ 9, niên hiệu Hoằng-định (niên-hiệu vua Lê Kính Tôn, Tây-lịch 1608) tháng tám năm Mậu-thân. Tiến-sĩ khoa Mậu-thìn, hàm đặc-tiến Kim-tử Vinh-lộc đại-phu Nguyễn-Lễ Thuần-Khanh soạn.

THI NHAM
sao-lục và phiên dịch

Một đoạn lịch sử vẻ vang
ấy chuyện lý thú và ly kỳ của

Cụ Nguyễn-Hàm-Ninh
Cụ Cao-Bá-Quát
Đức ông Tuy-lý-Vương

Sẽ làm các bạn khoái trá bằng 60 trang văn chương đầy thi vị trong

Đời tài hoa

Một quyển sách
rất có gá trị

Giá đặc biệt 0p35

Ở xa gửi bằng tem, thêm 0p10 cước cho : hiệu sách Đông Tây 195 hàng Bông Hanoi,

THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 16

CHU-THIÊN viết

RỒI Lệ-Kim ghé vào tai Liên-Tường nói thầm một lúc. Sau cùng, nàng tiếp to :

— Chị em ta cứ đợi, thế nào họ chả lại xuống đỗ.

Quả vậy, chiều hôm ấy, hai nàng đang ngồi chịu đau-đớn trong hầm tối, thì ở ngoài có tiếng gọi hỏi :

— Đại-vương truyền xuống hỏi hai cô có bằng lòng nghe lời thì cho lên nói chuyện. Hay hẳng còn cứng cổ già gan thì cho chết mòn ở đây.

Lệ-Kim liền đáp ra :

— Các bác lên tâu với đại-vương rằng chúng tôi đã nghĩ lại rồi. Chúng tôi hối hận lắm, chót dại dột xin đại vương xá đi cho.

Tức thời cánh cửa mở ra, một tên lâu la và một con nữ tỳ bước vào. Tên lâu-la tháo gông ra cho hai nàng. Con nữ-tỳ đưa gói quần áo và nói :

Hai cô thay quần áo đi, chúng tôi đợi ngoài này !

Rồi hai đứa lại đi ra đóng sập cửa lại. Lệ-Kim và Liên-Tường loạng-choạng mới đứng lên được, trông nhau cả cười, bỗng lại im bặt, tuôn rơi nước mắt, Hồi lâu Lệ-Kim mới trấn-tĩnh lại được, giở khăn gói quần áo ra, thì ở ngoài đã có tiếng giục :

— Xong chưa ?

Lệ-Kim đáp có vẻ gắt :

— Chưa ! cho người ta còn thay chứ !

— Mau lên không tối rồi. Thôi đẹp chán, đừng chải - chuốt nữa.

— Được rồi, làm gì mà rối cả lên thế !

Nói thế rồi Lệ-Kim mới lần đến quần áo : này hai cái áo dài bằng vóc biếc thêu chỉ đỏ, này hai cái yếm lụa mịn ngà-ngà, này hai cái áo cánh lụa trắng nõn, này hai cái xiêm vàng viền chỉ tím. Sau cùng đến hai cái khăn đầu bằng nhiễu đỏ tươi như mặt giời. Lệ-Kim chia quần áo xong, giục Liên-Tường mặc vào, rồi vừa mặc vừa mỉm cười bảo đùa bạn.

— Tiểu-thư ạ, chị em ta ra có số mệnh-phụ, đi đến đâu cũng được mặc quần áo cung-phi !

Liên-Tường cũng cười nói :

— Cung-phi phường trèo thì mới phải.

Mặc xong quần áo, hai người lại trông nhau cả cười, rồi đập tay vào cửa gọi :

— Mở cửa ra !

Ở ngoài có tiếng hỏi :

— Xong rồi à !

— Ừ, xong !

Cửa mở, hai nàng đi ra. Cả bọn ở ngoài đều đứng ngây-ngất nhìn vẻ đẹp lông-lẫy của hai nàng trong bộ y-phục cực-kỳ sang-trọng. Chúng quên cả dẫn đường, hai nàng phải giục :

— Đi đi chứ !

Lúc ấy cả bọn mới dàn ra đưa hai nàng về nhà công-đồng. Lại đi vòng qua dãy nhà sau, qua sân vào đến thềm. Lý-Trang đã có mặt ở đấy rồi. Bốn chung quanh những bó đuốc tẩm nhựa thông đã bùng-bùng rực-rỡ đua tranh với ánh sáng của giời đang dần dần tắt. Lý trông thấy hai nàng đi đến, liền chạy ngay ra thềm đón, chăm - chú say-sưa nhìn và tươi cười nói ;

— Thôi, ta miễn lễ cho hai cô.

Hai nàng liền chắp tay vái chào :

— Xin bái yết đại-vương !

Lý-Trang cười ha-hả ra vẻ đắc chí lắm, mời hai người vào nhà. Lý sai bộ-hạ bắc hai kỷ lại gần ngay chỗ kỷ của y để cho hai nàng ngồi. Bọn lâu-la hộ-tống được phép lui ra canh-phòng ở ngoài. Chỉ có mấy cô nữ-tỳ sun-soe lăng-xăng đi lại hầu-hạ. Mấy cô pha chè dâng lên. Lý Trang thân bưng nước đến mời hai nàng, rồi vẻ chỗ tươi cười nói rằng :

— Ta rất lấy làm sung-sướng thấy hai nàng đã vui-vẻ nghe theo lời ta ! Ta đây đường - đường một đấng anh-hào, có kém chi ai. Mấy năm nay ta hùng-cứ một dải rừng này, lừng-lẫy uy-danh cũng là một vị tiểu bá-vương đấy chứ. Hai nàng khá nên nể tấm lòng thành-thực của ta mà cùng ta kết nghĩa vợ chồng, ngày ngày vui chơi ở nơi rừng xanh núi đỏ này, còn gì vui sướng hơn nữa !

Lệ-Kim uống hết chén chè ướp sen nhấp giọng, rồi mới thủng-thẳng đáp :

— Trăm lậy đại-vương, đại vương đại xá cho, lũ tiện-tỳ mới dám nói.

— Được, nàng cứ nói, ta rất vui lòng nhận lỗi nếu ta có lỗi.

— Đại-vương nghĩ đến như vậy thật là vạn phúc cho tiện-tỳ. Tiện-tỳ trộm nghĩ rằng có lẽ là duyên giời xe định, nên mới dun-giủi cho tiện-tỳ được đến đây thừa - nhan Đại vương. Nhưng đại-vương lúc đầu sử với tiện - tỳ vô-lễ lắm, tiện-tỳ nghĩ cứ tủi thân,

Lý Trang rồi rít lên xin lỗi :

— Trong lúc nhất kiến, quen thói vũ phũ ta có quá nóng với hai nàng, xin hai nàng bỏ quá đi cho Từ đây về sau hai nàng truyền bảo điều gì ta cũng xin nghe theo, không dám sai lời để chuộc lại lỗi trước.

Lệ-Kim ung-dung nói :

— Đại-vương đã biết thế, thì trước hết phải cho hai chị em tiện-tỳ ăn cơm đã, rồi muốn nói chuyện gì hẵng nói. Bây giờ đói lắm không nói nhiều được.

Lý-Trang vội nói :

— Ta mải vui, vì cuộc gặp gỡ này mà quên ngay đi mất, để các nàng phải một mẻ đói, thật ta có lỗi nhiều lắm Vậy xin hai nàng tha cho, để ta sai chúng đi dọn cơm ngay lên đây hai nàng dùng, ta vừa ăn vừa nói chuyện.

Lý lập tức hối gia nhân mang mọi thức quả và mọi thức bánh lên cho hai nàng ăn trước, rồi mang cơm và mọi thức ăn lên sau. Hai nàng ăn cơm nống nước xong, Lý lại nhắc đến chuyện trước, Lệ-Kim liền nói :

— Đại-vương có lòng thương tới, hai chúng tôi cũng xin một lòng phụng-thị bên màn. Nhưng cuộc trăm năm cần phải có lễ-nghi tử-tế, chúng tôi mới dám ưng theo. Chả gì cũng là việc hôn nhân trọng-đại.

Lý Trang tươi tỉnh nói :

— Tưởng gì, chứ cái lễ-nghi thì ta đây xin theo đủ cả, xin hai nàng cứ chỉ bảo cho, nào vấn danh, nạp thái, hỏi môn... gì gì, hai nàng cứ khai ra.

Lệ-Kim nói :

— Không những thứ nghi lễ ấy là theo thói thường của dân-gian của những người có mẹ có cha, có họ hàng làng mạc. Đây chúng ta cử hành một đám cưới khác đời của một vị anh-hùng giữa rừng xanh núi đỏ...

Lý Trang cướp lời :

— Với hai vị trần-thế tiên-nga...

Lệ-Kim cứ thản-nhiên tiếp :

—... trước một đám lâu la dũng-mãnh thì cũng phải thế nào cho khác đời : trên kính cáo Giời, Đất, Núi, sông biết, dưới nêu rõ nghĩa lớn cho bộ-hạ kính sợ mà nghe theo chứ !

Lý-Trang vui-vẻ tiếp :

— Ta không ngờ nàng lại nghĩ chu-đáo đến như vậy. Nàng đã nghĩ được thế, thì nàng phải định nghi-lễ, ta xin hết sức nghe theo, không dám kêu-ca gì cả.

Lệ-Kim nói :

— Đã thế, xin đại vương chọn ngày lành giờ tốt, lập đàn tràng ở trước cửa đình, tế cáo Giời Đất, rồi Đại-vương cùng chúng tôi cầm kiếm chỉ lên giời thề ăn ở với nhau mãn kiếp. Có được như vậy, chúng tôi mới dám vâng lời.

Lý-Trang cười ha-ha ra vẻ bằng lòng lắm và tiếp :

— Ta xin vui lòng chiều hai nàng lập đàn tràng đủ mọi lễ-nghi, miễn là hai nàng vui-vẻ ăn đời ở kiếp cùng ta là được. Bây giờ ta hãy đi nghỉ, để mai mở lịch xem ngày. Hai nàng cũng đi nghỉ kẻo mệt.

Liên-Tường và Lệ-Kim liền đứng dậy theo một tên nữ-tỳ đến một phòng riêng đã sửa - soạn sẵn-sàng đủ mọi đồ dùng cần thiết và mọi thứ trang-hoàng mỹ-lệ. Tên nữ-tỳ được phép ở luôn đây hầu - hạ hai nàng. Ngồi buồn, Lệ-Kim gợi chuyện hỏi con nữ - tỳ để biết các cách hành-động của những người trong trại này :

— Em tên là gì ?

— Bẩm lệnh bà, tên tiện - tỳ là Ngọc ạ.

Năm nay em bao nhiêu tuổi ?

— Bẩm lệnh bà, tiện-tỳ hai mươi hai !

— Em ít tuổi thế, sao lại đến đây ? Em có thích ở đây không ?

— Bẩm không thích cũng không được ạ.

— Sao lại thế ?

— Bẩm lệnh bà, tiện-tỳ bị bắt vào đây từ năm mười bảy. Chúa trại trước đặt tiện-tỳ vào hạng thứ-thiếp, sau vì tiện-tỳ có lỗi, bị giáng xuống phận tôi-đòi.

— Thế em có nhớ quê-quán em ở đâu, em có muốn về không ?

— Bẩm lệnh-bà, quê em ở Sơn-nam, nhớ nhà thì lúc nào cũng nhớ, nhưng mà về thế nào được !

— Em có biết trong trại này có bao nhiêu đàn bà con gái không, mà riêng bao nhiêu người hầu-hạ chúa trại ?

— Bẩm lệnh bà, trong tất cả có độ ba chục đàn bà con gái để hầu riêng chúa trại. Còn ba chục nữa chia cho các quản-trại và đầu-lĩnh thì ở dãy nhà bên đông kia. Cứ những người nào chúa trại không ưa nữa thì lại thải ra dãy nhà ngoài ấy cho bộ-hạ.

— Trong này ai là vợ cả chúa trại ?

— Bẩm lệnh bà, chưa ai được lên chức chánh-phòng chỉ vào hàng thứ-thiếp cả. Có lẽ hai lệnh bà đây sẽ được lên làm chánh - phòng vì con xem ra hai lệnh bà được phục-sức rực-rỡ khác mọi người.

— Thế về việc cai quản khu - xử các lâu-la trong trại, em có biết gì không ?

Bẩm lệnh-bà, con không được biết, vì mọi việc ấy chúa trại chỉ bàn bác riêng với các đầu-lĩnh.

Thấy không còn gì đáng hỏi, Lệ-kim liền giục.

— Thôi cho em đi nghỉ. Để im cho hai chị em ta ngủ một tí, không được gọi nhé. Ai đến cũng vậy.

— Bẩm thế cái kín cửa lại ?

— Ừ, cài kỹ lại rồi cho em đi ngủ lúc nào cần đến, ta sẽ gọi.

Ba hôm sau, chọn được ngày lành, một cái đàn ba tầng đã lập ở trước nhà công-đồng. Trên tầng thứ nhất bầy hương hoa cùng các thức quả và lễ tam-sinh để cáo-tế Giời, Đất ; tầng thứ nhì bày hương hoa lễ-vật chay cúng các thần Núi Sông, Mưa, Gió, Nắng, Chớp... Đàn dưới cùng cũng bày hương hoa lễ-vật, trâu, bò, lợn, gà, xôi, bánh tế trăm thần và tổ-tiên bên nội bên ngoại. Trên đàn đuốc thắp sáng ngời, khói hương bốc lên nghi-ngút, thơm nức cả một khu rừng. Lý-Trang là chúa trại lập đàn, phải lên lễ yết cả ba tầng đàn một lượt trước. Rồi đến đúng ngọ là giờ Hoàng-đạo, bọn nữ-tỳ được lệnh vào phòng riêng rước hai vị phu-nhân ra lên đàn làm lễ minh-thệ.

còn nữa

CHU-THIÊN

Dấu xưa, vết cũ

PHỐ HIẾN

Thuộc xã Nhân-dục, tổng An-tảo, huyện Kim-động, sở tại Hưng-yên có một bãi cát bồi rất rộng lác đác mấy tòa miếu cổ với những tấm bia chữ đã mờ rêu và đây đó vài ngôi cổ mộ. Chỗ ấy là di-tích một chốn phồn hoa xưa kia người mình quen gọi Phố-Hiến.

Về đời Hậu-Lê, niên hiệu Quang-hưng (1578-1599), khi tỉnh Hưng-yên còn gọi là Sơn-nam-trấn, chúa Trịnh cho mở cảng ở Phố Hiến làm nơi thông-thương cho người ngoại-quốc.

Lệ định người các nước muốn vào đất Bắc-hà buôn bán phải xin phép quan coi miền hải-đạo đóng ở Sơn-nam và nộp thuế nhập-cảng nhiều ít tùy theo số hàng đem đến.

Năm 1637, người Hà-lan và Bồ-đào-nha đến trước nhất lập các thương-đoàn; người Anh và Pháp đến sinh-cơ vào khoảng năm 1672, rồi dần dà đến người Tàu, Nhật, Xiêm và Mã-lai, nhưng đông nhất là người Tàu.

Quang-cảnh Phố-Hiến khi bấy giờ thực đẹp, đáng gọi là chốn phồn-hoa đô-hội: hàng nghìn nóc nhà ngói san-sát xen lẫn với các lâu-đài nguy-nga, dân cư đông đúc, phố sá sầm-uất. Lại thêm tàu to, thuyền lớn ra vào luôn luôn, hàng-hóa dỡ lên bến tấp nập; đứng về phương-diện kinh tế, Phố-Hiến có lẽ phồn-thịnh không kém kinh-đô Thăng-long mấy, nên người đương thời đã có câu xưng-tụng: « *Thứ nhất kinh-kỳ, thứ nhì Phố-Hiến* ».

Trong số thương gia ngoại-quốc, người Hà-lan buôn-bán phát-đạt hơn hết. Người Bồ-đào-nha chỉ chuyên-chú về việc truyền giáo. Nhờ có các giáo-sĩ người Bồ đã khéo lợi-dụng tiếng của họ đặt thành một thứ tiếng thông dụng trong việc giao-dịch với dân ta mà người các nước biết được luật-lệ cùng phong tục, tập-quán xứ này.

Năm 1696, vì ghét Gia-tô-giáo, các quan ta sinh ra ác-cảm với người ngoại-quốc.

Phần thấy việc buôn bán ngày một kém-sút, phần bị nhiều nỗi phiền phức, người mấy nước Âu-châu rủ nhau lần-lượt về nước; gia dĩ vua Lê Hy-tông lại xuống chiếu trục-xuất, nên đến năm 1700 còn ít người Hà-lan cũng dời Phố-Hiến về nốt.

•

Người Tàu và người Nhật ở lại buôn bán với người mình. Họ chia Phố-Hiến làm hai khu: Bắc-hòa và Nam-hòa rồi dần dần, sau ngót một thế-kỷ, đồng hóa với dân ta.

Từ đấy Phố-Hiến kém vẻ sầm-uất..., và sự biến thiên của thời đại đã xóa nhòa dấu-vết của một chốn phồn-hoa đô-hội, khiến ngày nay qua đó ta chỉ còn thấy đồng ruộng bát-ngát, thỉnh thoảng điểm vài rặng nhãn xanh um hoặc dăm ba khóm tre rườm-rà. Có chăng hai chữ tên còn được truyền-tụng ở chốn dân-gian và tồn-tại trên trang sách sử..

VÂN-THẠCH

Tạp trở

Giá tiền một bản-thảo kiệt-tác

Tác phẩm *Paradis Perdu* của John Milton thi-sĩ Anh đã bị công chúng thờ-ơ, lãnh-đạm. Sinh thời, tác-giả đã phải chật-vật mà cũng không sao tìm được một nhà ấn-loát nhận xuất bản tác phẩm đó cho mình! Ngày 27-4-1667, ông đã phải nhường cho nhà in Symons độc-quyền bản-thảo *Paradis Perdu* bằng giá 5 livres sterling (độ 125 quan tiền pháp!)

Bảy năm sau (16-1-1674) người vợ góa thi-sĩ lại bán đứt bản đó cho một nhà in với số tiền 8 livres sterling!

Đó, người đời đánh giá tiền bản thảo một tác-phẩm trứ-danh! Tôi không nói đến giá-trị của nó đâu nhá...

THANH-SƠN

Đón coi :

Sự-nghiệp trước-thuật của cụ Trương Vĩnh-Ký LONG-ĐIỀN

RƯỢU

Duboquna
Le Bateau
Cam Xã-Doài
Ngũ-gia-Bì
Alcools médicamenteux

Chế bằng quinquina, jentiane và quả tươi.

Hiệu Ngọc Hương *48 Sinh-từ Hanoi*

Tổng phát hành Bắc-kỳ.

Nhà chế tạo : **Đào-Viên** *117 Maréchal Foch Vinh.*

NHÀ XUẤT BẢN

MAI-LINH

Rue des Pipes Hanoi

Mới in xong

LÃO-TỬ

Một quyển sách rất có giá trị

Giá 0$80

Nhà thuốc tường đỏ

ĐỨC-PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm

1· Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p 50
Chữa các chứng thận hư : di tinh, mộng tinh khí hư

2· Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p.20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3 Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p.00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4· Thuốc đại bổ Đức-phong giá 1p 50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI : Hiệu thuốc Đức-tiến, 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bach-mai Hanoi hiệu Đức-Hưng- ường 437 Ngã-tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Geoges Guynemer Saigon, hiệu Đậu hiên 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi, Vu-văn-Kích Avenue Aristide-Briand Boite postales N· 62 PhnomPenh.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh đái hạ) dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp).

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p60, ai bị bệnh giang mai uống thuốc giang mai số 14.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.
Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant : Dương-Tự-Quán